

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Trang**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU.  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI  
TÙNG THỊNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Trang**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Thu Trang

Mã SV: 1354010397

Lớp: QT1302K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Tùng Thịnh

---

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp  
( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
  - Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Tùng Thịnh.
  - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Tùng Thịnh.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Tùng Thịnh.
  - Số liệu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Tùng Thịnh.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Tùng Thịnh**

---

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Ninh Thị Thùy Trang**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Tùng Thịnh

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Phạm Thị Thu Trang

Ninh Thị Thùy Trang

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

---

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

---

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>4</b>
<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>6</b>
<b>1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....</b>	<b>6</b>
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	6
1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.1.2.1. Doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.....	7
1.1.2.2. Chi phí .....	11
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh .....	12
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	13
<b>1.2. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....</b>	<b>14</b>
1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp.....	14
1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ.....	14
1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	18
1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	20
1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác .....	22
1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp.....	24
1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán .....	24
1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính.....	28
1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	30
1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác.....	34
1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	35
<b>1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách kế toán trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp</b>	<b>37</b>

---

<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÙNG THỊNH.....</b>	<b>43</b>
<b>2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Thương Mại Tùng Thịnh.....</b>	<b>43</b>
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Tùng Thịnh.....	43
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty TNHH TM Tùng Thịnh.....	43
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được của công ty.....	44
2.1.4. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Tùng Thịnh.....	46
2.1.5. Đặc điểm bộ máy kế toán của công ty TNHH TM Tùng Thịnh.....	47
<b>2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh.....</b>	<b>51</b>
2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh .....	51
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	51
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	57
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	62
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính ....	68
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	74
2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	81
<b>CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÙNG THỊNH .....</b>	<b>94</b>
<b>3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh .....</b>	<b>94</b>
3.1.1. Đánh giá chung .....	94
3.1.2. Những ưu điểm .....	95
3.1.3. Những hạn chế .....	97
<b>3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Cty TNHH TM Tùng Thịnh.....</b>	<b>98</b>



---

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh .....	98
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh .....	100
3.2.3. Ý nghĩa việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	115

## **KẾT LUẬN**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

---

## LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đang từng bước hội nhập vào nền kinh tế quốc tế, khi nền kinh tế thị trường đang trên đà phát triển, các mối quan hệ nảy sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh ngày càng trở nên phong phú và phức tạp, tạo ra sự cạnh tranh, thách thức đồng thời cũng tạo ra những điều kiện tiên đề, thời cơ mới.

Vì thế, trong bối cảnh vừa cơ hội vừa thách thức như hiện nay đặt các doanh nghiệp vào thế hoặc là đấu tranh để tồn tại, phát triển tạo dựng thương hiệu hoặc là thất bại và biến mất. Do đó, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng tìm mọi biện pháp để nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ để có thể thu được lợi nhuận tối đa. Vì vậy, công tác tổ chức kế toán là công cụ quản lý đắc lực, cung cấp thông tin cần thiết và chính xác cho nhà quản lý. Đồng thời cũng là căn cứ để các nhà quản lý đưa ra những quyết định, chiến lược phát triển phù hợp với doanh nghiệp trong tương lai.

Qua thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Kết cấu khóa luận ngoài *Lời mở đầu* và *Kết luận* gồm 3 phần:

**Chương 1:** *Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

**Chương 2:** *Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tùng Thịnh.*

**Chương 3:** *Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tùng Thịnh.*

---

Tuy nhiên, do nhận thức còn hạn chế cộng với thời gian nghiên cứu chưa được nhiều nên bài làm của em không tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết. Kính mong các thầy cô giáo giúp đỡ và chỉ bảo thêm để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô khoa kế toán kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là GV – Th.S Ninh Thị Thùy Trang đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Em xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán công ty TNHH TM Tùng Thịnh đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập ở công ty.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

---

## CHƯƠNG 1

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

#### 1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng. Với việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp các nhà quản trị doanh nghiệp sẽ nắm bắt được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, trên cơ sở đó đề ra những quyết định, phương hướng phát triển nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với Nhà nước: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá....

---

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Từ đó đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên đề để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với nhà cung cấp: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

## **1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

### ***1.1.2.1. Doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu***

\* **Doanh thu:** Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

\* **Các loại doanh thu:**

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD.

✓ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

✓ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là các khoản thu nhập liên quan tới hoạt động tài chính như doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✓ **Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

---

**\* Điều kiện ghi nhận doanh thu:**

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

❖ *Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn về thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

❖ *Doanh thu về cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

---

❖ *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**\* Các phương thức bán hàng**

*Phương thức bán hàng trực tiếp:* Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

*Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

*Phương thức bán hàng qua đại lý:* Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

*Phương thức trả chậm, trả góp:* Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền

---

trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

*Phương thức hàng đổi hàng:* Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

*Phương thức tiêu thụ nội bộ:* Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, xí nghiệp,...

✓ **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong Tài khoản 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, Giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán...

- *Chiết khấu thương mại:* Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- *Giá trị hàng bán bị trả lại:* Là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- *Giảm giá hàng bán:* Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách,... theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Thuế xuất khẩu:* Thuế xuất khẩu là thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất như: bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá,...

- *Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:* Là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.



---

### 1.1.2.2. Chi phí

\* **Chi phí:** Biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động và vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định, gồm có:

✓ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được (xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

✓ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

+ **Chi phí bán hàng:** Là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, bao gồm các chi phí như chi phí chào hàng, đóng gói sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

+ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp (lương, phụ cấp, trợ cấp,...), BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ, dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi,...

✓ **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lãi liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, ...

✓ **Chi phí khác:** Là khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp thường bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ, giá trị còn lại của thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế,...

---

✓ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

### 1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

\* **Kết quả kinh doanh:** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản} \\ \text{xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần từ bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp DV} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \text{Chi phí tài chính}$$

- *Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp đã lãi hay lỗ tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

---

**\* Công thức xác định lợi nhuận của doanh nghiệp:**

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận hoạt động SXKD} + \text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận hoạt động SXKD} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng, QLDN}$$

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

### **1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí.

- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, phân bổ chi phí hợp lý.

---

- Tính toán phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kỳ tiến hành phân tích kinh tế đối với báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó tham mưu cho Ban lãnh đạo về các giải pháp để gia tăng lợi nhuận.

## **1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

### **1.2.1. Tổ chức kế toán doanh thu trong doanh nghiệp**

#### ***1.2.1.1. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

##### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

- Hợp đồng kinh tế.

- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng.

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ,...

- Các chứng từ liên quan khác.

##### **❖ Tài khoản sử dụng**

### **TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

Các TK cấp 2:

TK 5111 - *Doanh thu bán hàng hóa*

TK 5112 - *Doanh thu bán thành phẩm*

TK 5113 - *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

TK 5118 - *Doanh thu khác*

❖ **Kết cấu tài khoản**

**TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ.</li><li>- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</li><li>- Số giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.</li><li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã được thực hiện trong kỳ kế toán.</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.*

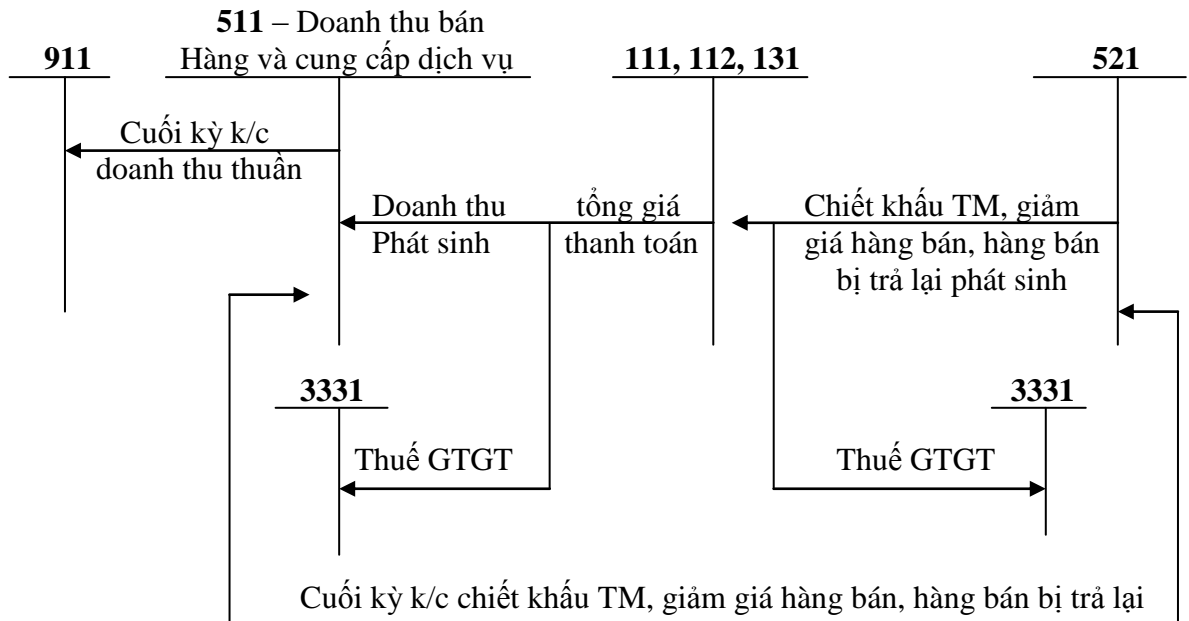
❖ **Sơ đồ hạch toán**

**Phương pháp gián tiếp:** Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

**Sơ đồ 1.1:**

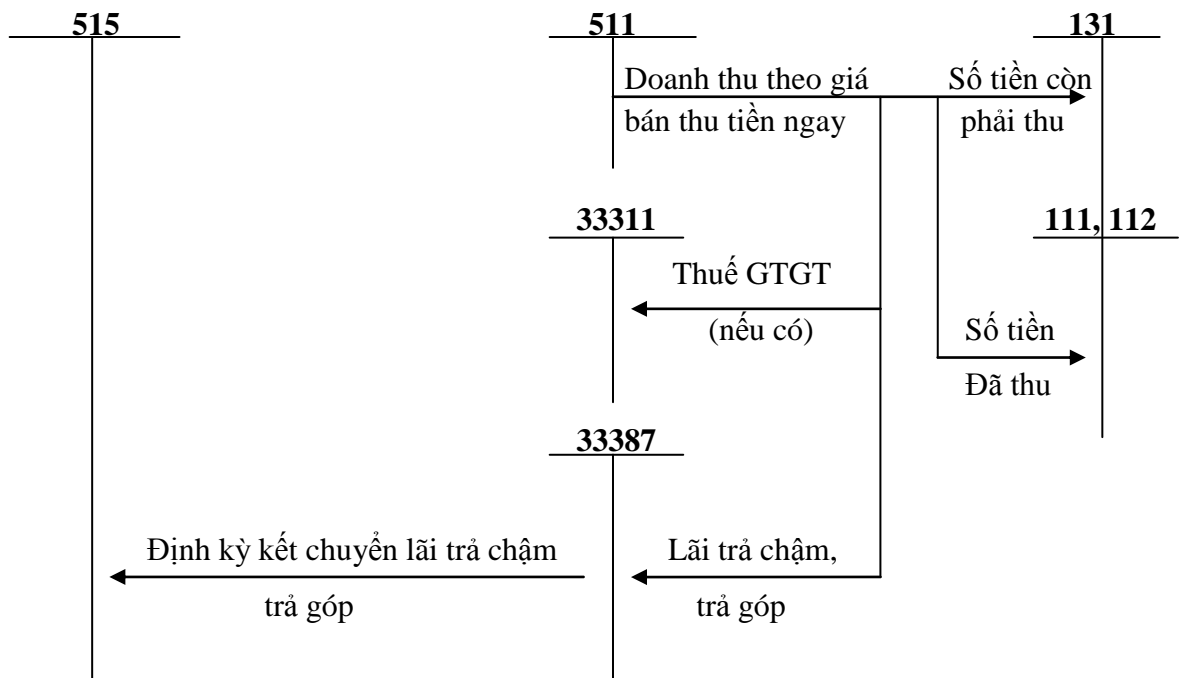
**Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

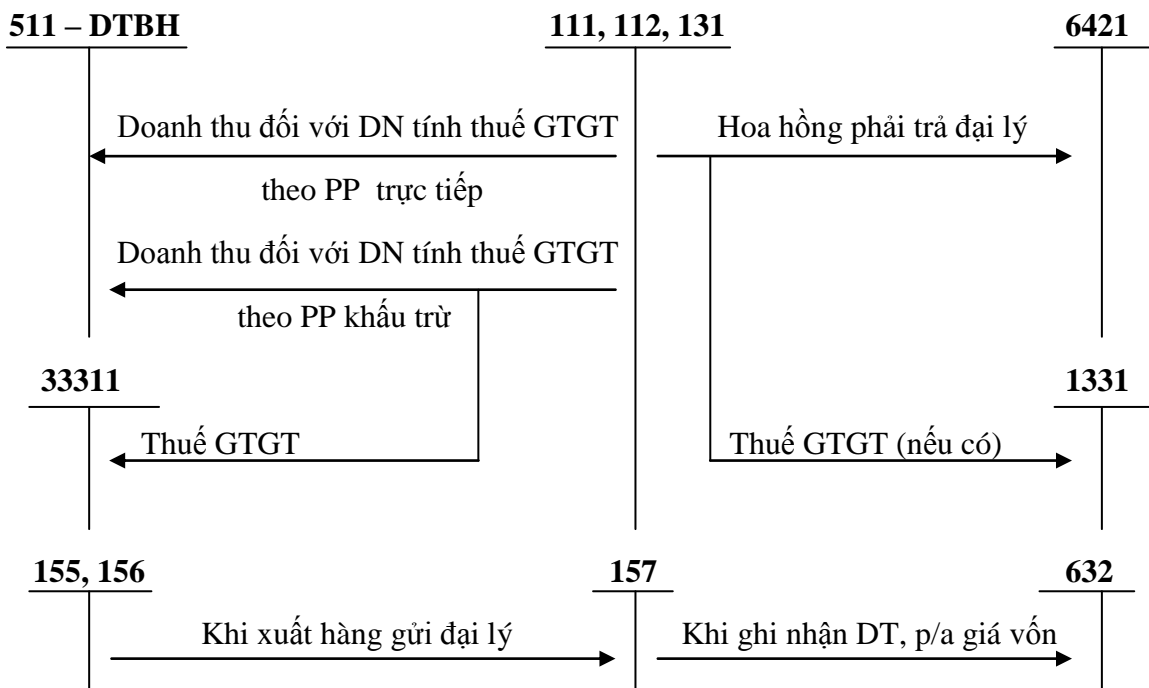
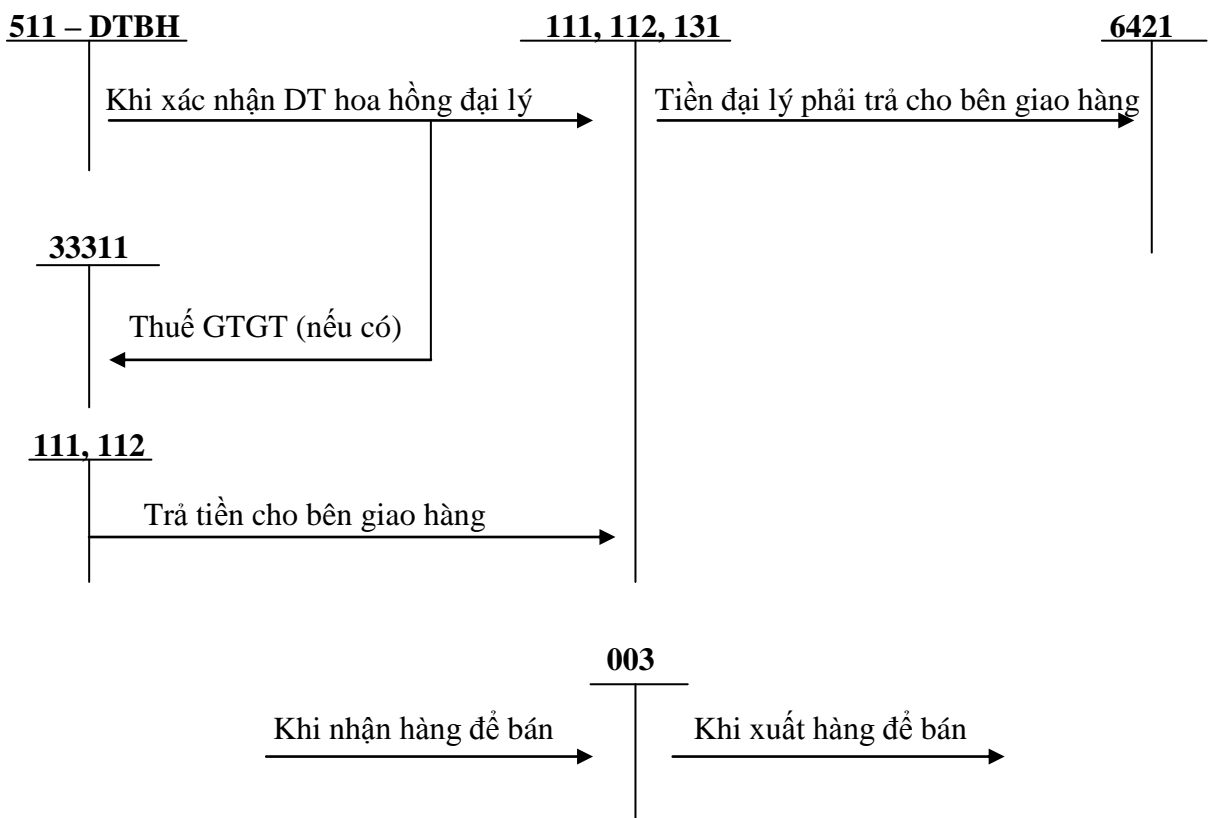
**Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC**



**Sơ đồ 1.2:**

**Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp**



**Sơ đồ 1.3:****Kế toán doanh thu bán hàng đại lý****(Đối với bên giao đại lý)****Sơ đồ 1.4:****Kế toán doanh thu bán hàng đại lý****(Đối với bên nhận đại lý)**

---

**\* Tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ”.**

TK này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công tính theo giá bán nội bộ.

Các TK cấp 2:

TK 5121 – *Doanh thu bán hàng hóa.*

TK 5122 – *Doanh thu bán các thành phẩm.*

TK 5123 – *Doanh thu cung cấp dịch vụ.*

Kết cấu tài khoản 512:

**TK 512 “Doanh thu nội bộ”**

- Phản ánh số thuế TTĐB phải nộp. - Trị giá hàng bán bị trả lại, các khoản giảm giá hàng bán nội bộ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Tổng doanh thu nội bộ trong kỳ
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.*

**1.2.1.2. Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**❖ Chứng từ kế toán**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Chứng từ khác có liên quan.



---

## ❖ Tài khoản sử dụng

### TK 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

Các TK cấp 2:

TK 5211 – *Chiết khấu thương mại*

TK 5212 – *Hàng bán bị trả lại*

TK 5213 – *Giảm giá hàng bán*

**Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại:** Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng đối với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

**Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại:** Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.

**Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán:** Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

## ❖ Kết cấu tài khoản

### Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.	- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.	
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

❖ **Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.5:**

**Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại**

<u>111, 112, 131</u>	<u>521 – Các khoản giảm trừ DT</u>	<u>511</u>
Chiết khấu TM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh (DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	Giá bán chưa có thuế GTGT <b>33311</b> Thuế GTGT	Cuối kỳ k/c khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán
Chiết khấu TM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh (DN tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)		

**1.2.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

❖ **Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

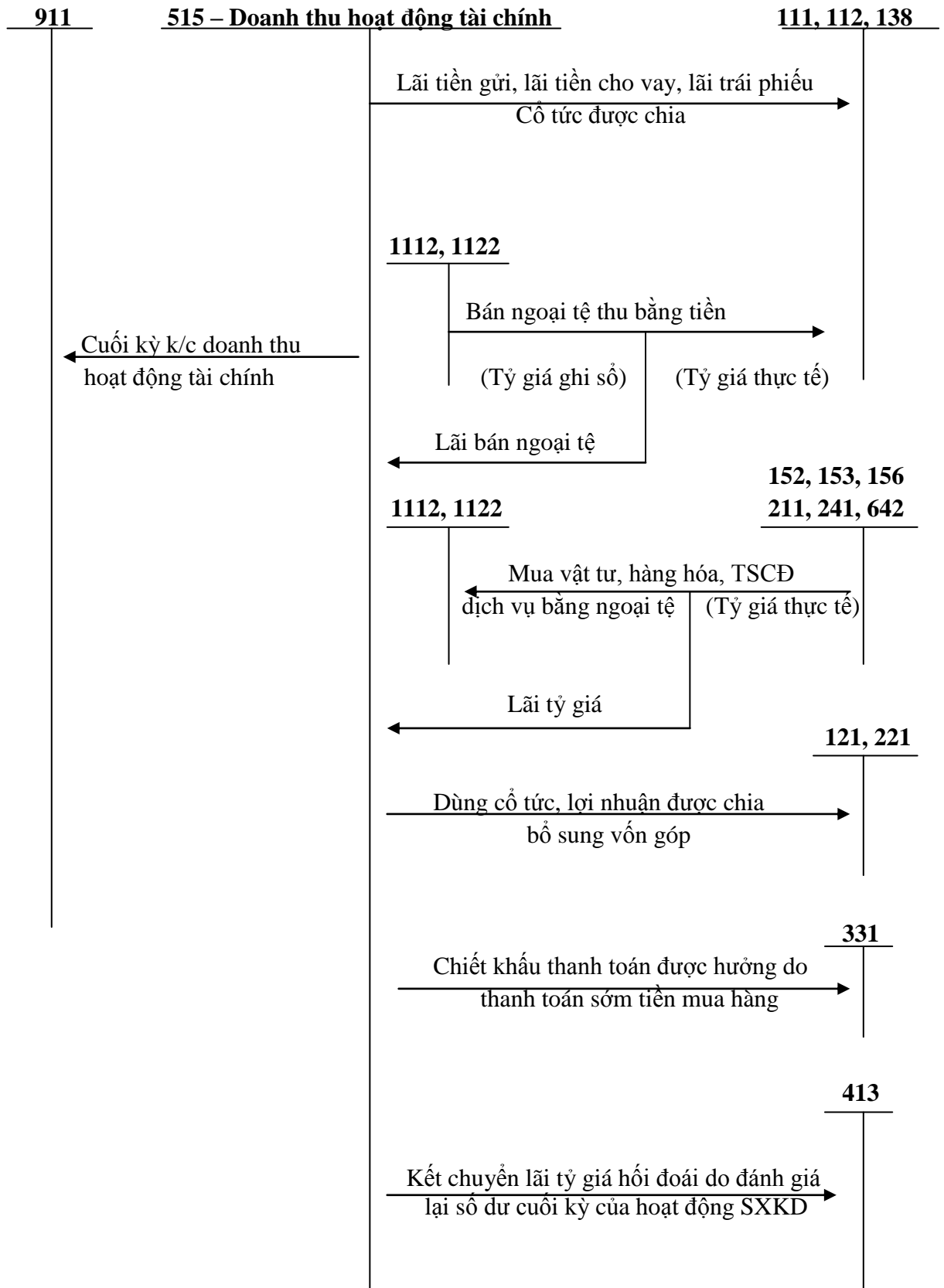
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	- Tiền lãi - Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản - Chênh lệch do bán ngoại tệ - Thu nhập về hoạt động đầu tư CK - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

❖ **Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.6:**

**Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



#### 1.2.1.4. Tổ chức kế toán thu nhập khác

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”**

❖ **Kết cấu tài khoản**

#### Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

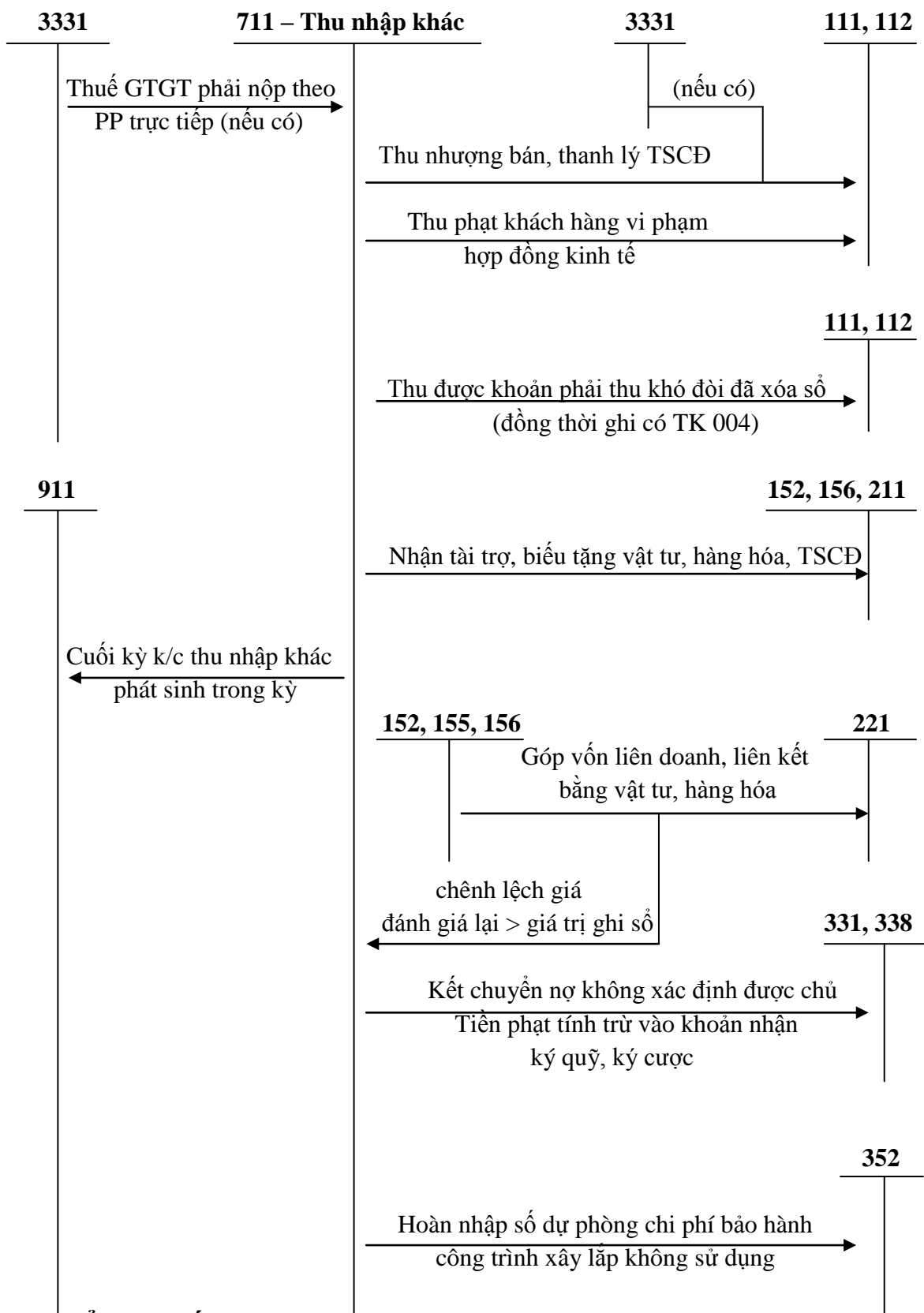
<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.</li><li>- Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ</li><li>- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ</li><li>- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ</li><li>- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhận quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp</li><li>- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

❖ **Sơ đồ hạch toán**

#### Sơ đồ 1.7:

## Kế toán thu nhập khác



### 1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí trong doanh nghiệp

#### 1.2.2.1. Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

---

### Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ.
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)
- Phương pháp thực tế đích danh

#### ✓ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hoá xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng hoá xuất kho}}{\text{Số lượng hàng hoá xuất kho}} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

*Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ*

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

*Phương pháp bình quân liên hoàn*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

#### ✓ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

---

Phương pháp này lô hàng nhập trước sẽ được xuất trước, hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự như chúng được mua vào nhập kho.

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Tuy nhiên, nhược điểm của phương pháp này là đòi hỏi kho bảo quản phải thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất theo từng lần. Trị giá hàng xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

✓ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này những hàng hóa mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hóa xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng. Phương pháp này có ưu điểm là trị giá hàng xuất kho được xác định tương đối sát với giá thị trường tại thời gian xuất kho hàng hóa. Nhưng trị giá hàng hóa tồn kho bị xác định kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động về giảm giá.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 632 “Giá vốn hàng bán”**

---

**❖ Kết cấu tài khoản****Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”**

<ul style="list-style-type: none"><li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</li><li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911</li><li>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li><li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho</li></ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

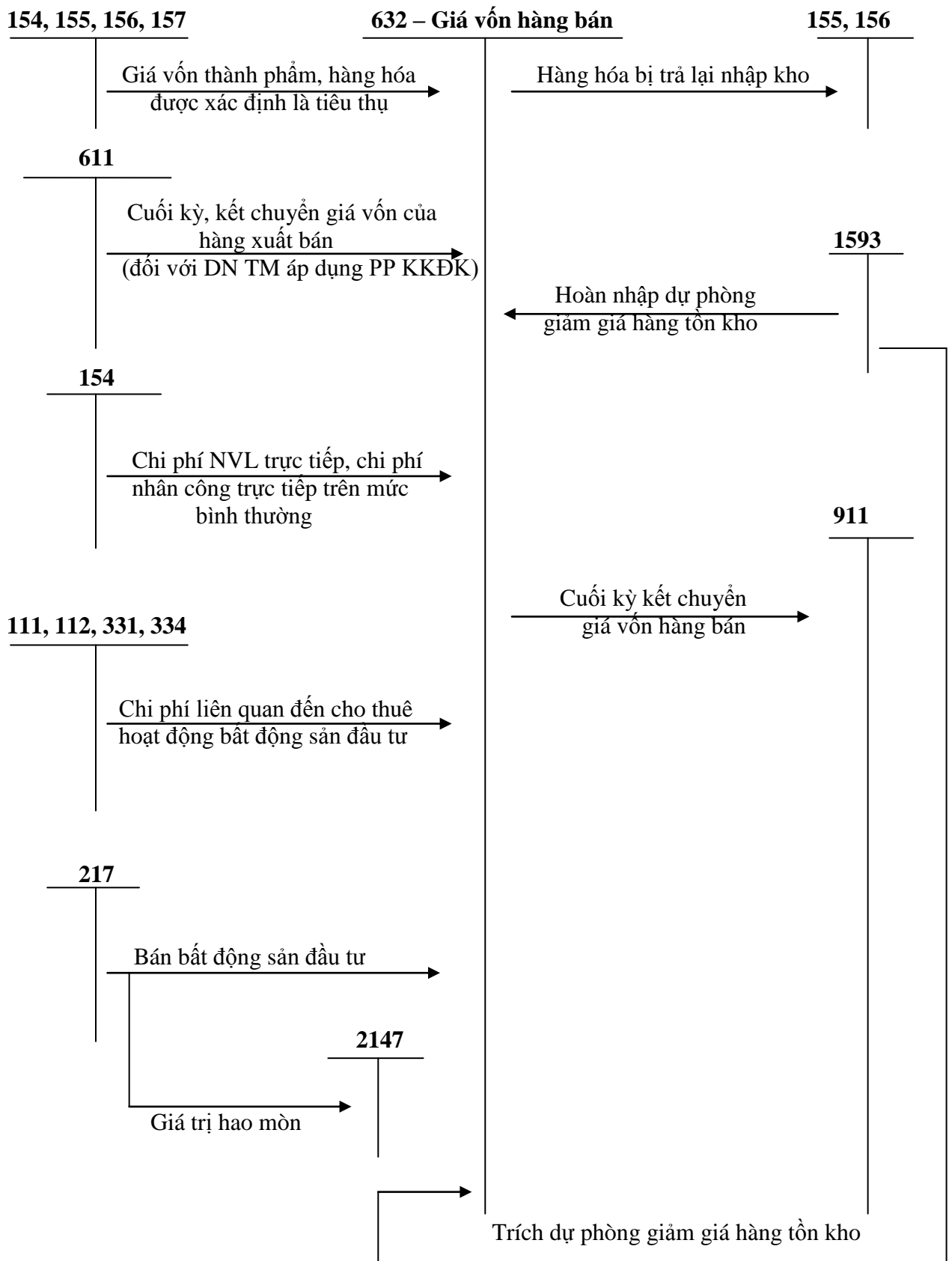
*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

**❖ Sơ đồ hạch toán**



**Sơ đồ 1.8:**

**Kế toán giá vốn hàng bán**



---

### 1.2.2.2. Tổ chức kế toán chi phí tài chính

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

#### ❖ Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”

#### ❖ Kết cấu tài khoản

#### Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

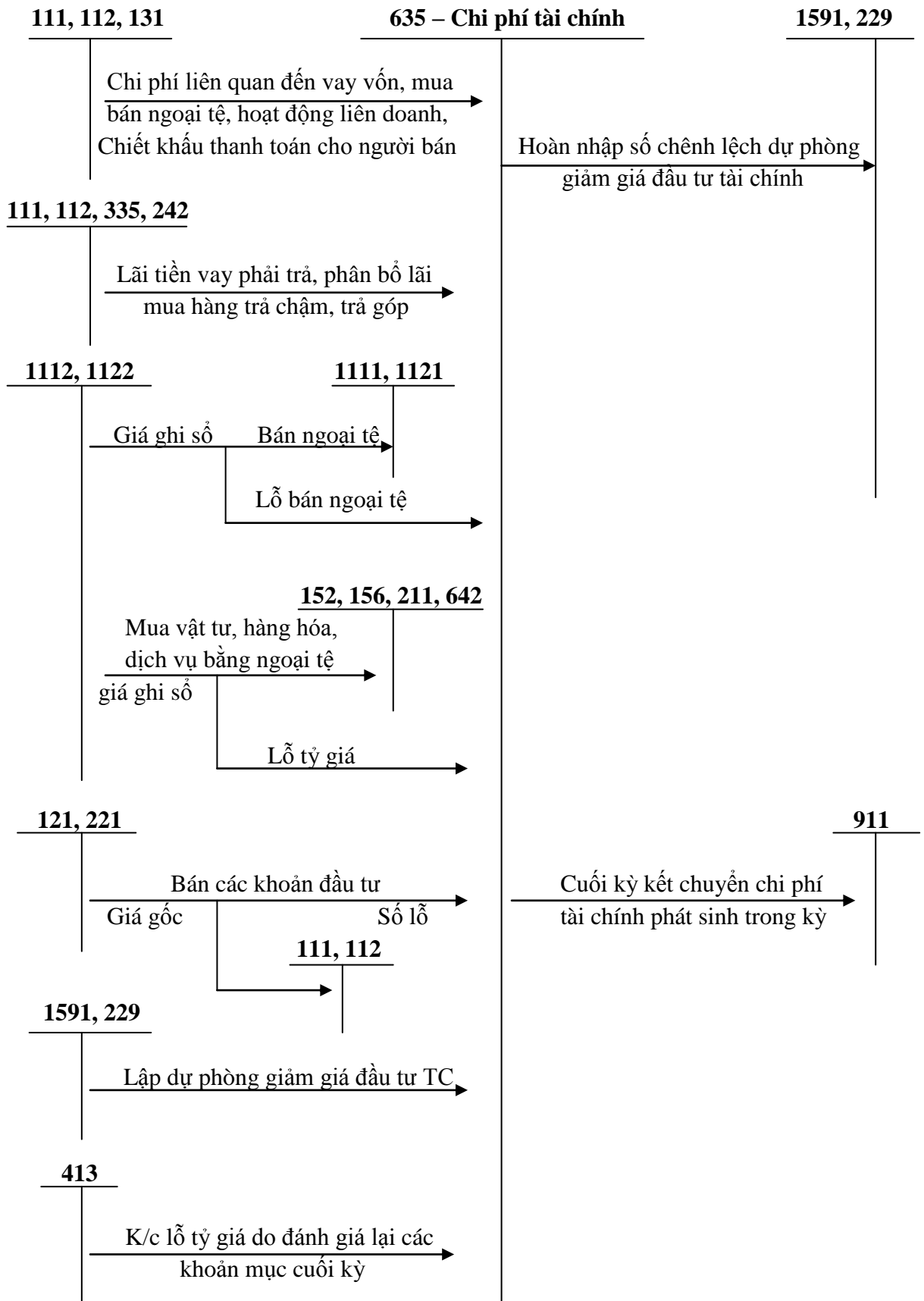
- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.	- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.	
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.	
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.	
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

#### ❖ Sơ đồ hạch toán

**Sơ đồ 1.9:**

**Kế toán chi phí tài chính**



---

### **1.2.2.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng đơn vị TK 642 có thể mở chi tiết theo từng loại chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong từng loại chi phí được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí:

✓ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ:

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế phí, lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ NVL – CCDC
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

---

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”**

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 – *Chi phí bán hàng*

TK 6422 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

❖ **Kết cấu tài khoản**

**Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”**

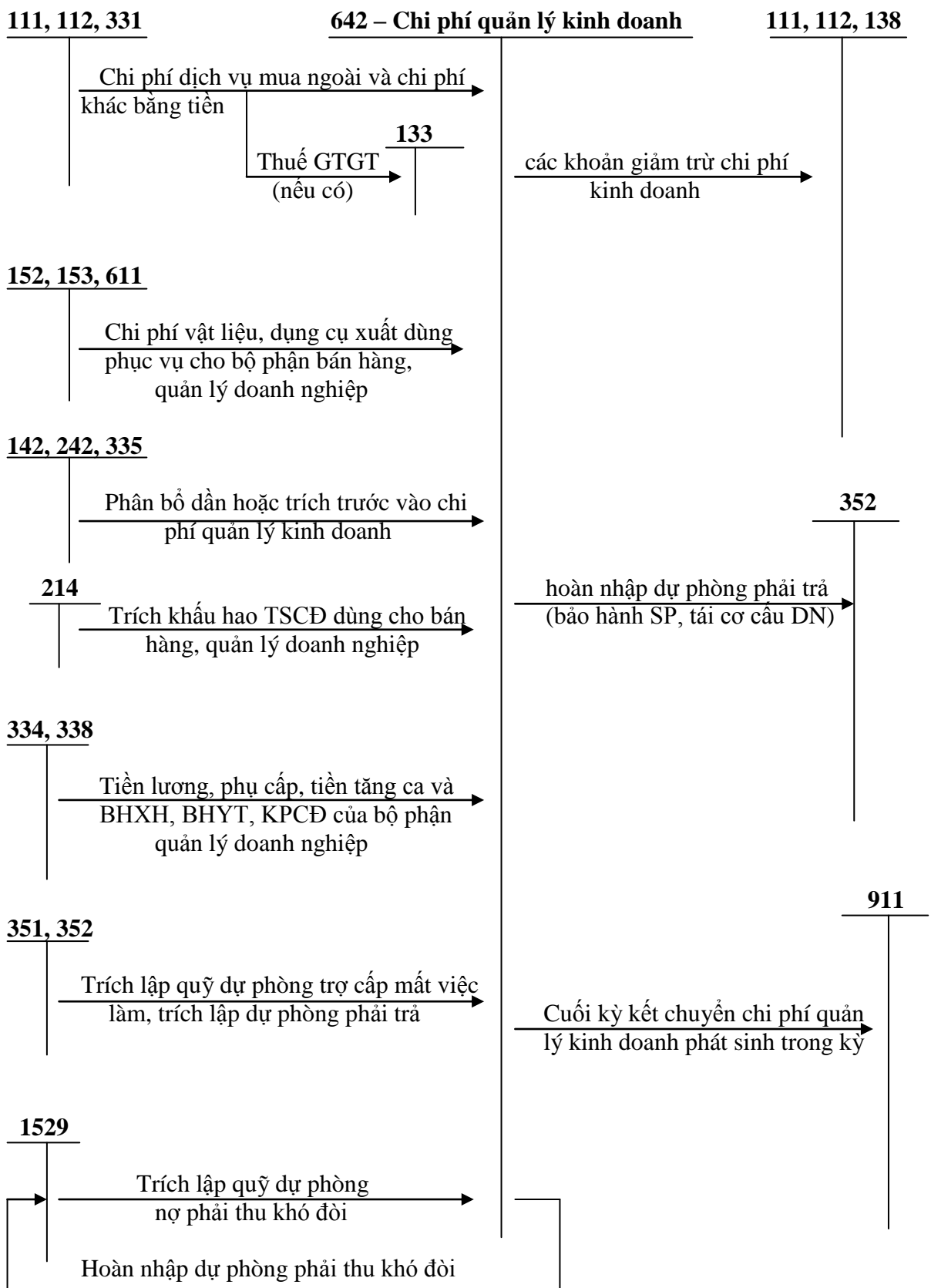
- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

❖ **Sơ đồ hạch toán**

**Sơ đồ 1.10:**

**Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**



#### 1.2.2.4. Tổ chức kế toán chi phí khác

##### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

##### ❖ Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác”

##### ❖ Kết cấu tài khoản

#### Tài khoản 811 “Chi phí khác”

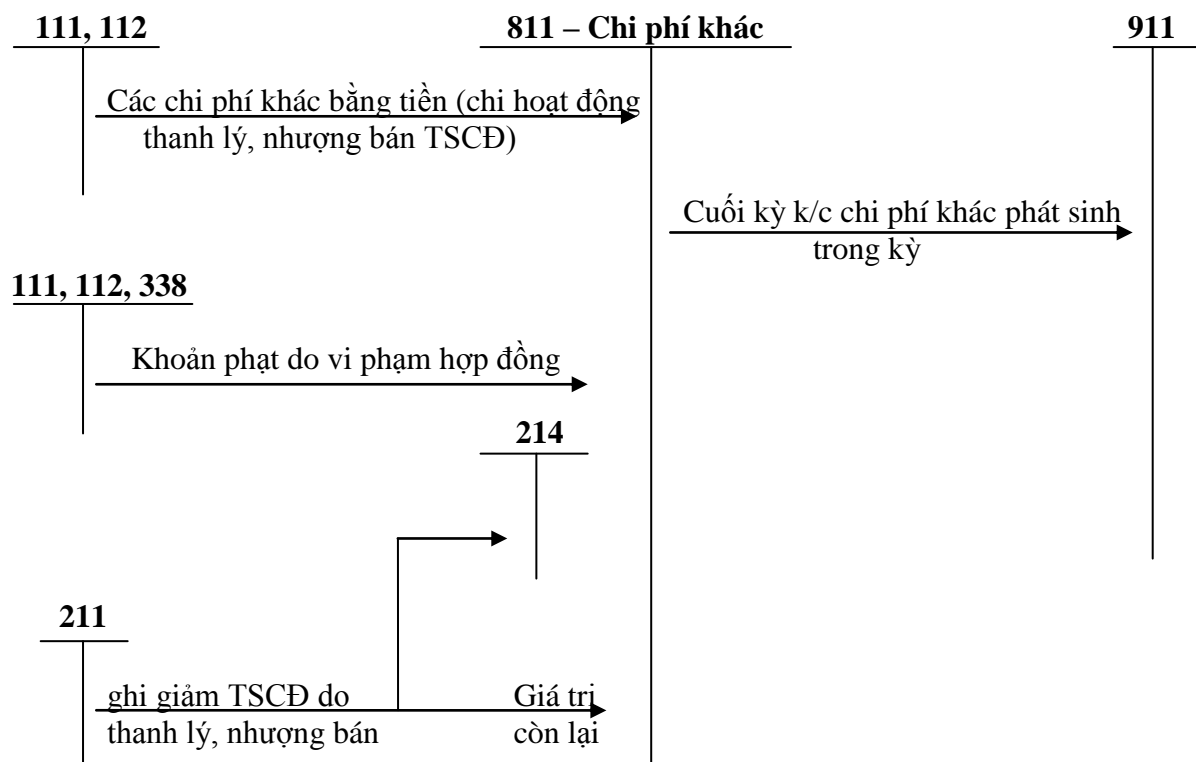
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

##### ❖ Sơ đồ hạch toán

#### Sơ đồ 1.11:

#### Kế toán chi phí khác



### 1.2.3. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 821 “Chi phí thuế TNDN”

TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

*Các tài khoản khác có liên quan*

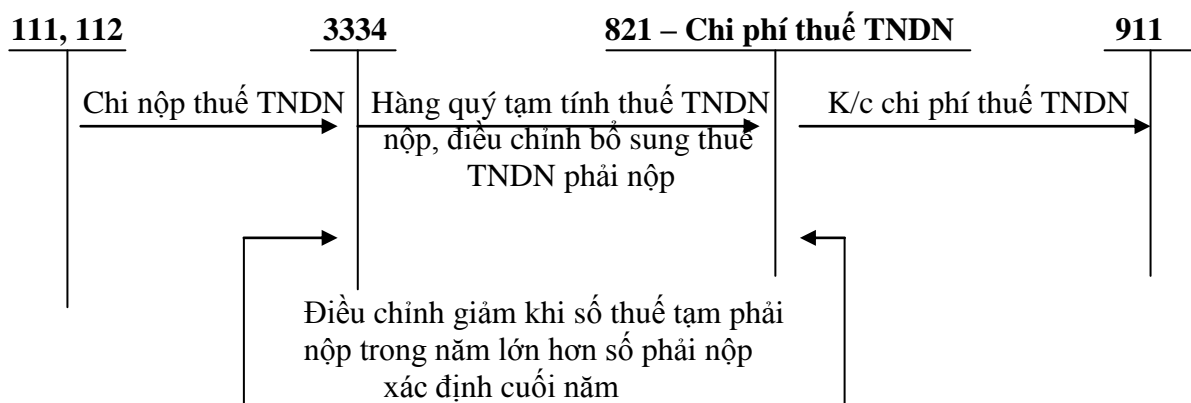
#### ❖ Kết cấu tài khoản

##### Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp.</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính.</li> <li>- Chi phí khác.</li> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh.</li> <li>- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính.</li> <li>- Thu nhập khác.</li> <li>- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN</li> <li>- Kết chuyển lỗ</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

*Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ*

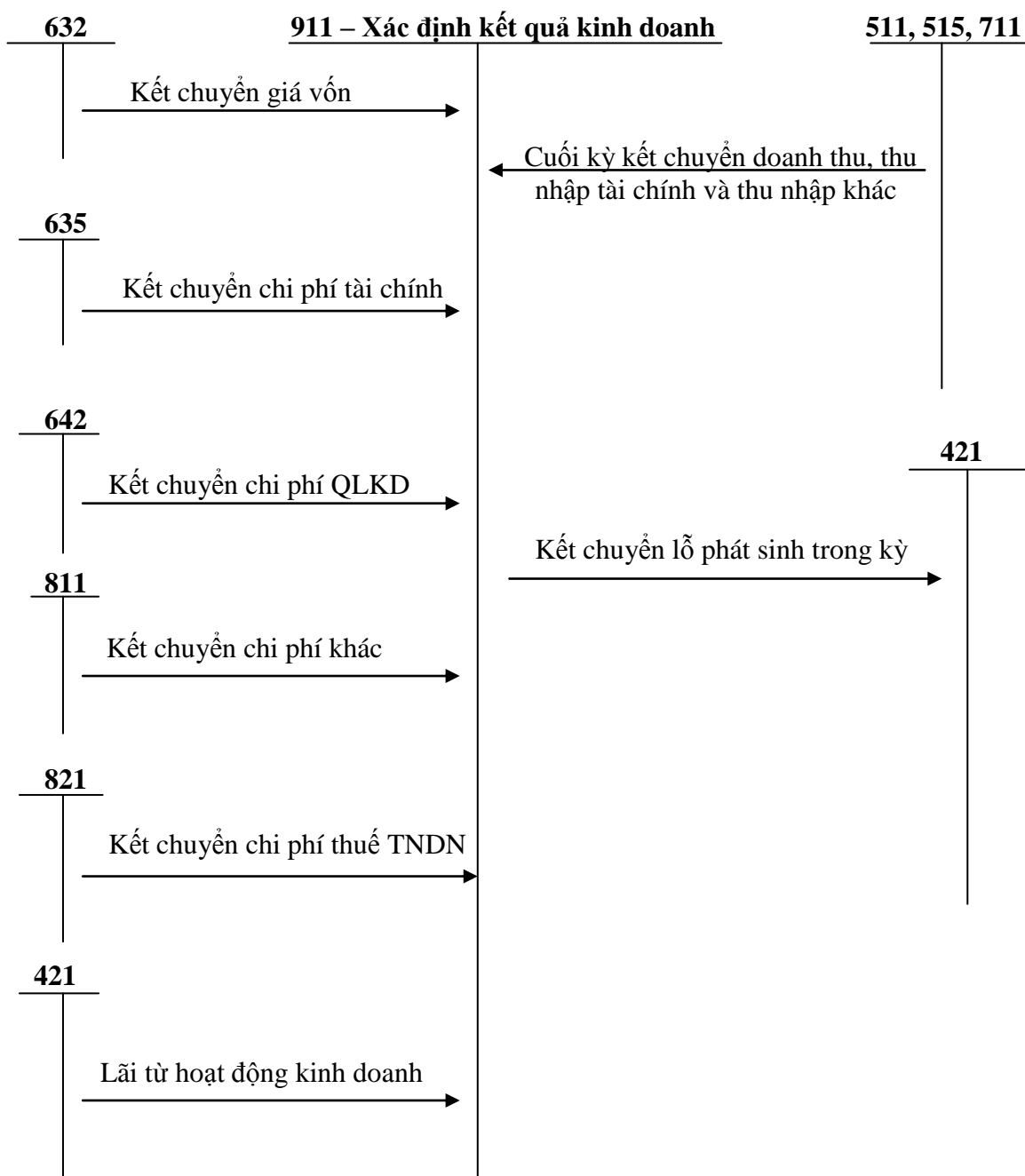
#### ❖ Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp





Sơ đồ 1.13:

**Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



---

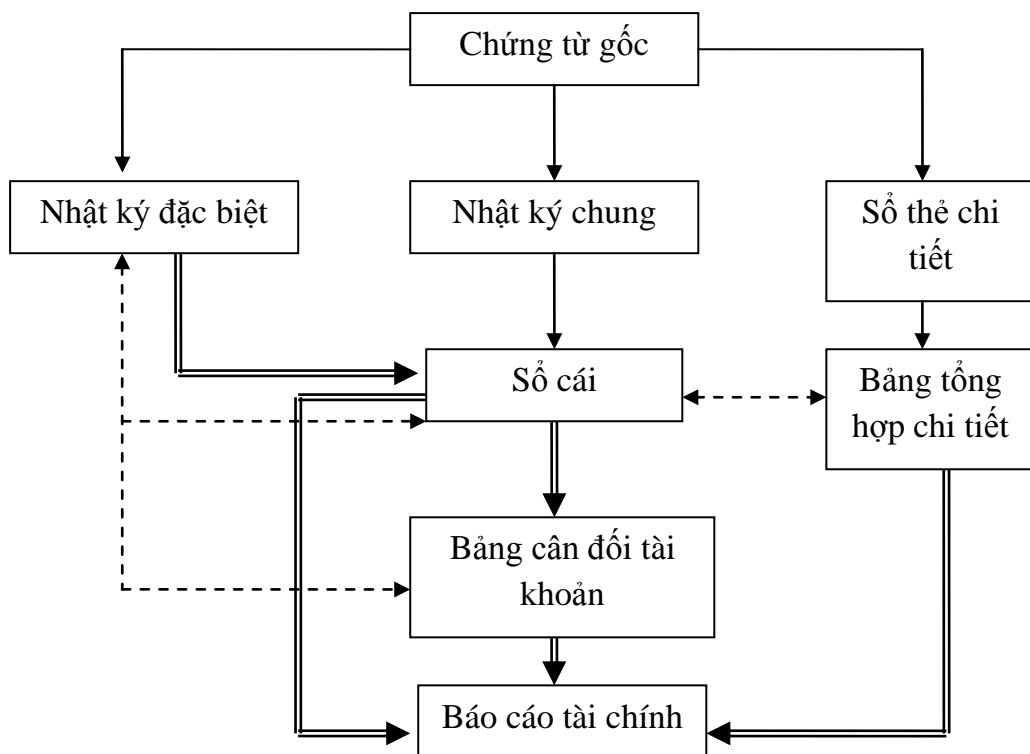
### 1.3. Tổ chức luân chuyển chứng từ, sổ sách trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

#### 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

**Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ: Sổ Nhật ký chung; sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



**Ghi chú:**

- ←---→ : Kiểm tra đối chiếu
- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng

---

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

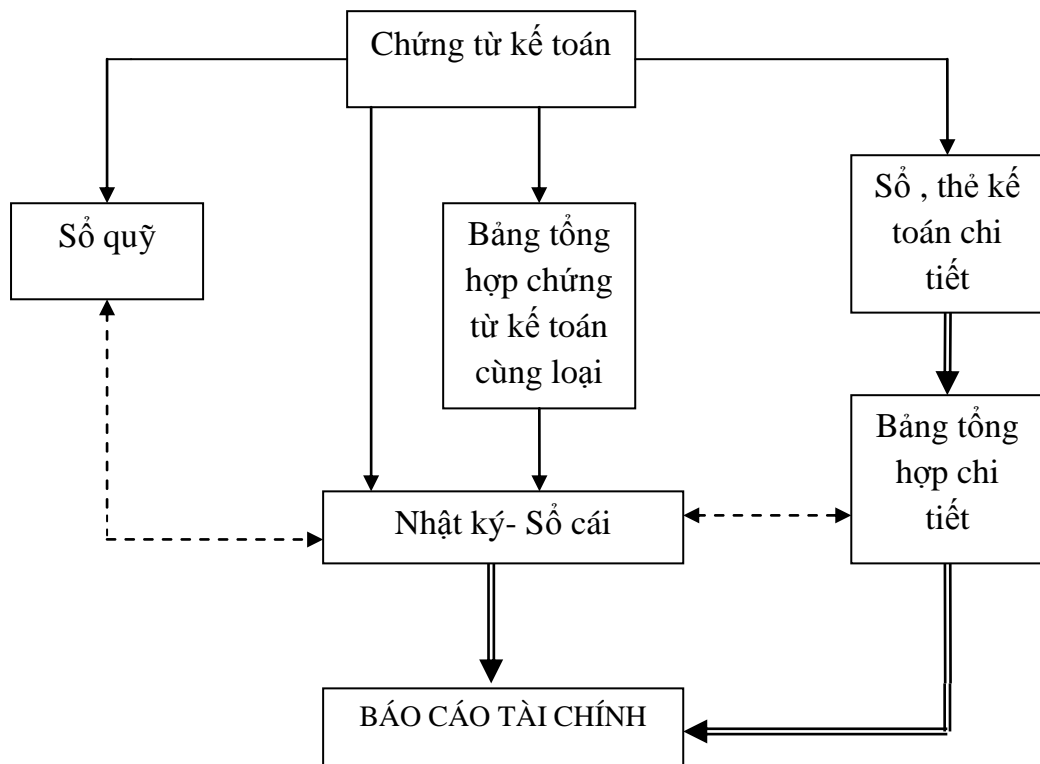
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

### ***1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái***

**Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

**Các loại sổ:** Nhật ký - Sổ cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

---

**Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính

---

ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{“Phát sinh” ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh Nợ} \\ \text{của tất cả các Tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{Có của tất cả các} \\ \text{Tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các Tài khoản.}$$

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

### ***1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ***

**Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

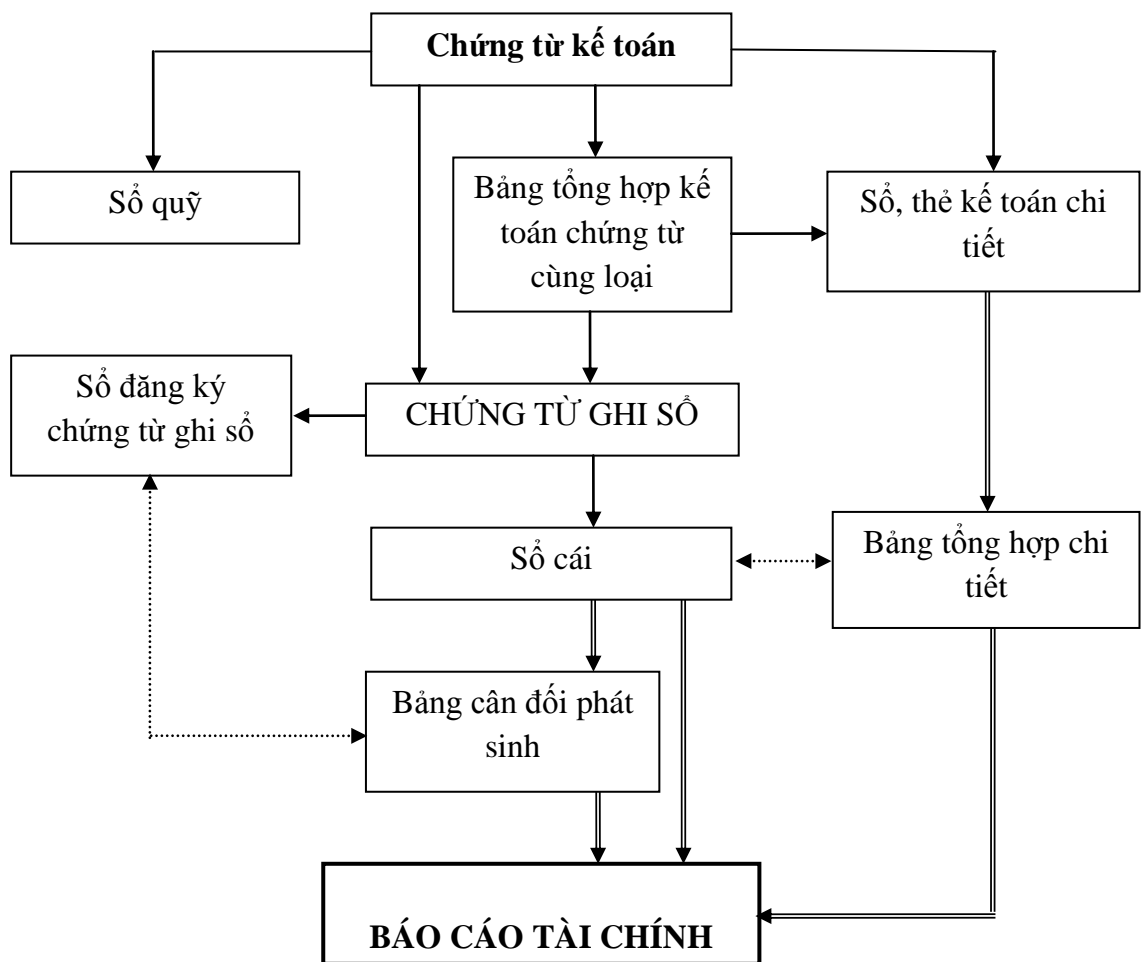
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

**Các sổ kế toán:** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.16:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế

---

toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

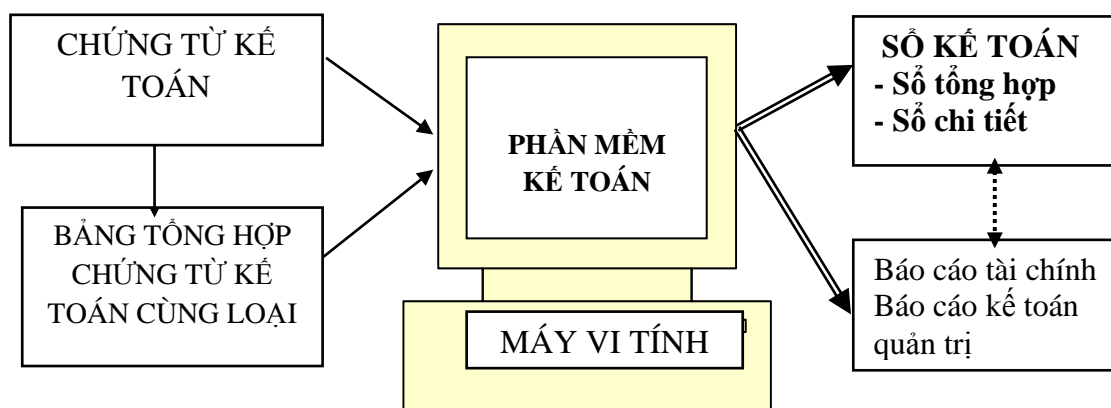
- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

#### ***1.3.4. Hình thức kế toán máy***

**Đặc trưng cơ bản:** công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

**Các loại sổ:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.17:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức trên máy vi tính



**Ghi chú :**

- Nhập số liệu hàng ngày. →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm. ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái,...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



---

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÙNG THỊNH

### 2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại Tùng Thịnh

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM Tùng Thịnh

Công ty TNHH TM Tùng Thịnh thành lập ngày 05 tháng 04 năm 2007.

- Tên tiếng việt: Công ty TNHH TM Tùng Thịnh
- Tên tiếng anh: Tung Thinh Trading Company Limited.
- Tên viết tắt: Tung Thinh Trading co., ltd
- Số giấy phép đăng ký kinh doanh: 0200734590 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lại ngày 02/06/2011.
- MST: 0200734590
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng
- Tài khoản: 26027209 tại ngân hàng ACB chi nhánh Quán Toan - Hải Phòng.
- Trụ sở chính: Số 61 km 8 đường 5 cũ – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng.
- Điện thoại: (84-4) 3534186
- Fax: (84-4) 3534187
- Email: [nhantsm@gmail.com](mailto:nhantsm@gmail.com).

#### 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH TM Tùng Thịnh

Công ty TNHH TM Tùng Thịnh chuyên kinh doanh các lĩnh vực chủ yếu:

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện.
- Bán buôn sắt, thép.
- Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, cơ sở hạ tầng.

---

Hiện nay các sản phẩm chủ yếu của công ty bao gồm:

- Vòng bi các loại
- Lưỡi cắt nguội
- Trục cán
- Gioăng phốt, ....

### **2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích của công ty**

#### **2.1.3.1. Thuận lợi**

- Thương mại quốc tế của Việt Nam đã tăng trưởng nhanh chóng trong vòng 15 năm trở lại đây từ sau khi mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt từ sau khi Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO).

- Từ năm 2007 đến nay công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, năng động có trình độ đại học, cao đẳng, có kinh nghiệm cao, ngoại ngữ và trình độ giao tiếp tốt đã giúp công ty hoạt động kinh doanh tốt được nhiều bạn hàng biết đến.

- Hải Phòng là một thành phố hội nhập, ngày càng có nhiều khu công nghiệp được xây dựng và phát triển. Đây là một thị trường tiềm năng của công ty.

- Bên cạnh đó ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty luôn đoàn kết, hăng say lao động và từng bước ổn định trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **2.1.3.2. Khó khăn**

- Khó khăn đầu tiên phải nói đến là đối thủ cạnh tranh của Công ty là các công ty cùng hoạt động trong cùng ngành nghề với Công ty.

- Khách hàng của công ty nhiều khi là người nước ngoài do đó có sự bất đồng ngôn ngữ lớn lên đôi khi quy trình phục vụ chưa được tốt.

- Do khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu ảnh hưởng tới tình hình tài chính của nước ta nói chung, và cũng ảnh hưởng tới tình hình huy động nguồn vốn của công ty nói riêng.

---

### 2.1.3.3. Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được

Công ty TNHH TM Tùng Thịnh từ khi thành lập đến nay đã tạo lập được uy tín và sản phẩm của công ty đã có mặt tại nhiều công trình lớn.

Công ty là nhà cung cấp, bạn hàng đáng tin cậy và quen thuộc của hàng loạt các công ty, cửa hàng và cá nhân trong nhiều tỉnh thành của nước.

Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng và tiêu thụ các mặt hàng với số lượng lớn.

**Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động của công ty trong hai năm như sau:**

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
<b>Doanh thu BH</b>	4.681.808.748	5.886.199.805	1.204.391.057	25.7
<b>Giá vốn hàng bán</b>	3.921.878.392	5.075.567.726	1.153.689.334	29.4
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	77.508.371	101.708.095	25.199.724	32.5
<b>Tổng tài sản</b>	5.860.733.722	6.248.961.918	388.228.196	6.6

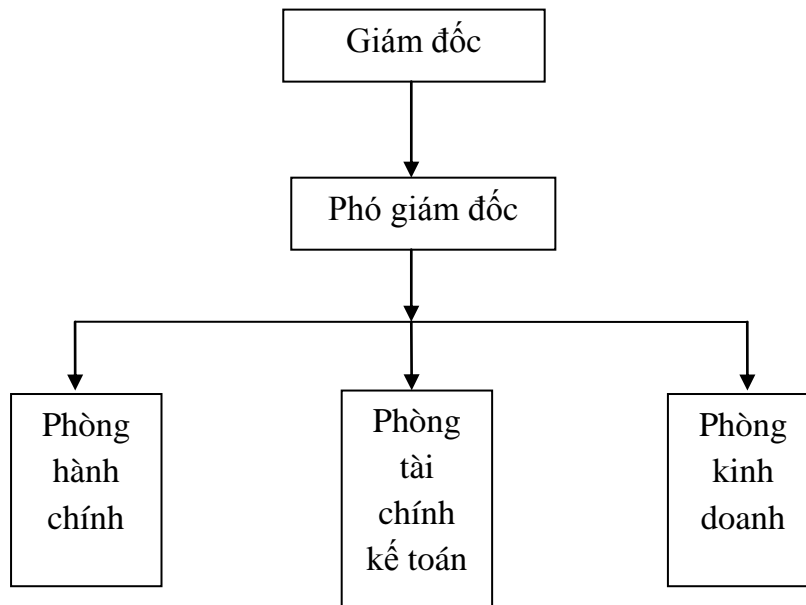
Qua những nhận xét tóm tắt trên cho ta thấy rằng đạt được thành tích trên đó là một sự cố gắng lớn của lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên công ty trong công tác quản lý, kinh doanh, nâng cao lợi nhuận của Công ty TNHH TM Tùng Thịnh. Sự tăng trưởng về mọi mặt điều đó chứng tỏ rằng công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, doanh thu năm sau cao hơn năm trước, đời sống của cán bộ công nhân viên được nâng cao.

---

#### 2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển lâu dài, bộ máy quản lý của công ty đã không ngừng được tinh giảm, cải tiến nhằm xây dựng một bộ máy hoạt động hiệu quả, linh hoạt, có năng lực, có trình độ nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh luôn được thông suốt. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM Tùng Thịnh được tổ chức theo kiểu trực tuyến, đứng đầu là Giám đốc, giúp việc cho Giám đốc là Phó giám đốc và các phòng ban như Phòng kế toán, phòng kỹ thuật, phòng kinh doanh. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty TNHH TM Tùng Thịnh có thể khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu bộ máy quản lý



- **Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận như sau:**

**Ban giám đốc:** Ban giám đốc công ty là thành phần có chức năng, nhiệm vụ quan trọng nhất, là đại diện cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Cụ thể ban giám đốc của Công ty TNHH TM Tùng Thịnh có cơ cấu như sau:

- **Giám đốc công ty:** Giám đốc là người có thẩm quyền cao nhất trong công ty, có trách nhiệm quản lý toàn diện. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

---

- **Phó giám đốc:** là người giúp giám đốc trong mọi lĩnh vực của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc, trước Nhà nước về nhiệm vụ được phân công.

**Phòng hành chính:** Tham mưu cho giám đốc về tổ chức hoạt động kinh doanh, bố trí nhân sự trong công ty như tổ chức cán bộ lao động, tiền lương, thi đua khen thưởng, hành chính...

**Phòng tài chính- kế toán:** Tham mưu cho ban giám đốc về kế hoạch tài chính của công ty. Lập kế hoạch tài chính hàng năm trên cơ sở kế hoạch kinh doanh.

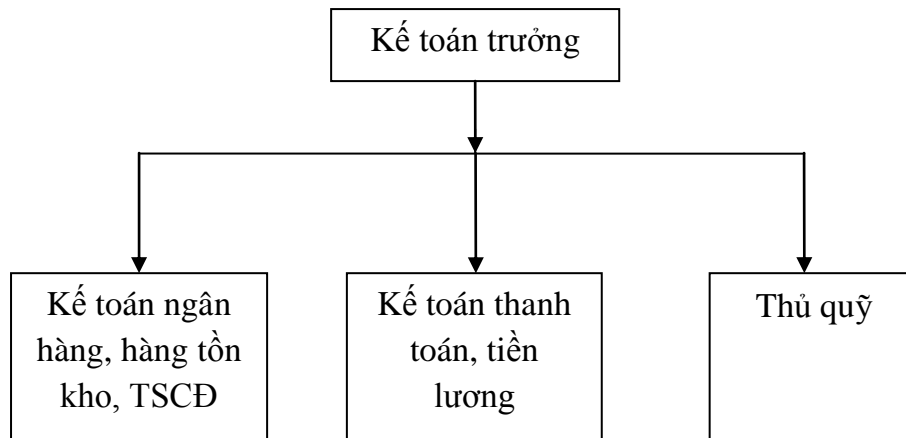
**Phòng kinh doanh:** Tham mưu cho ban giám đốc về kế hoạch sản xuất kinh doanh, lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp nhất. Điều hoà kế hoạch sản xuất chung của công ty thích ứng với tình hình thực tế thị trường.

## **2.1.5.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

### **2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty**

Do yêu cầu, đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và những điều kiện cơ sở tổ chức công tác kế toán, mà công ty TNHH TM Tùng Thịnh tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán trong công ty được tiến hành xử lý từ việc thu thập và kiểm tra chứng từ, ghi sổ kế toán, khoá sổ cho đến việc lập báo cáo tài chính. Các bộ phận trong công ty chỉ lập chứng từ phát sinh tại bộ phận rồi gửi về phòng tài vụ của công ty. Vì vậy đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với công tác chuyên môn, kiểm tra xử lý các thông tin kinh tế, kế toán kịp thời chặt chẽ thuận tiện cho việc phân công lao động và chuyên môn hoá nâng cao năng suất lao động kế toán. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty theo hình thức tập trung được thể hiện dưới sơ đồ sau:

*Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh.*



**Quyền hạn, nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh.**

- **Kế toán trưởng:** Là người được bổ nhiệm theo quyết định của nhà nước, chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về công tác tài chính kế toán của công ty, giúp giám đốc công ty thu thập và xử lý các thông tin kinh tế phục vụ công tác quản lý, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả sản xuất kinh doanh, ký các văn bản chứng từ có liên quan, định khoản trên chứng từ quản lý đồ sách và hồ sơ lưu trữ.

- **Kế toán thanh toán và tiền lương:** Kiểm tra các hoá đơn chứng từ và ghi cổ chi tiết và làm các thủ tục thanh toán( chi, thu công nợ tiền bán hàng, tiền lương , các khoản phải thu, phải trả khách hàng), hàng ngày hoặc định kỳ đối chiếu với thủ quỹ, với Sổ tổng hợp.

- **Kế toán ngân hàng, hàng tồn kho, TSCĐ:** Thực hiện việc giao dịch với ngân hàng, kho bạc thực hiện việc ghi chép phân loại, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến tiền gửi ngân hàng. Theo dõi tình hình biến động vật tư hàng hoá công cụ dụng cụ nhỏ tài sản cố định, làm các thủ tục xuất và nhập kho, định kỳ đối chiếu với thủ kho, với sổ tổng hợp.

- **Thủ quỹ:** Quản lý tiền mặt, căn cứ vào các chứng từ hợp pháp hợp lệ để tiền hành xuất nhập quỹ và ghi sổ quỹ.

---

### ***2.1.5.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh.***

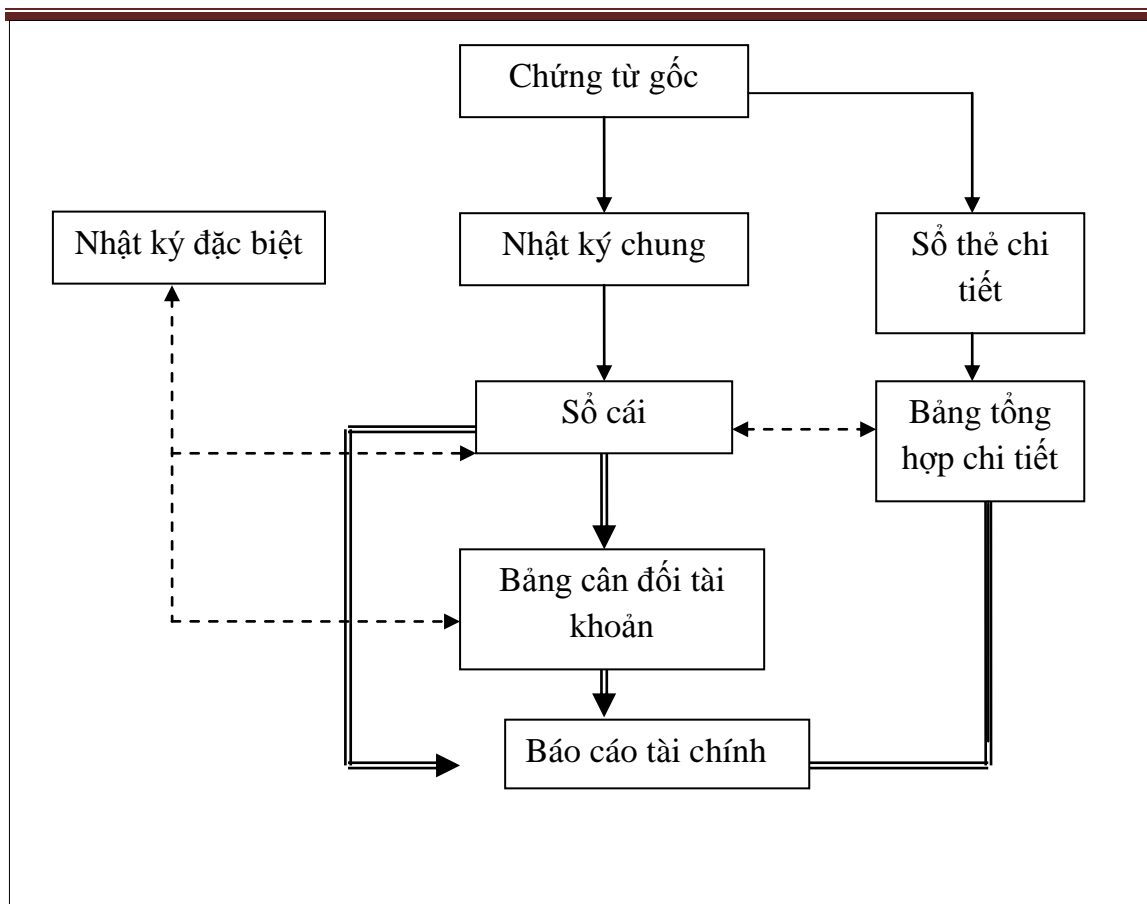
#### **❖ Những vấn đề chung về kế toán tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền sử dụng ghi chép kế toán là VNĐ.
- Hình thức kế toán đang áp dụng: Nhật ký chung.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp kế toán TSCĐ: Phương pháp khấu hao, áp dụng khấu hao đường thẳng, nguyên tắc đánh giá TSCĐ theo trị giá vốn thực tế.
- Phương pháp tính giá vật tư xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **❖ Hình thức kế toán mà đơn vị đang áp dụng.**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

*Sơ đồ 2.3: Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung*



Ghi chú:

←---→ : Kiểm tra đối chiếu

→ : Ghi hàng ngày

==> : Ghi cuối tháng

#### ❖ Chế độ, chính sách kế toán công ty đang áp dụng

*Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh*

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

#### ❖ Chứng từ công ty sử dụng

Công ty sử dụng hai loại mẫu chứng từ là chứng từ bắt buộc và chứng từ hướng dẫn. Danh mục các loại chứng từ mà công ty TNHH TM Tùng Thịnh sử dụng gồm có:

##### Các loại chứng từ bắt buộc:

- Phiếu thu 01-TT
- Phiếu chi 02-TT



- 
- Hóa đơn GTGT
  - Phiếu xuất kho
  - Biên bản bàn giao tài sản cố định: 01-TSCĐ.

**Các loại chứng từ không bắt buộc:**

- Bảng chấm công : 01a-LĐTL
- Bảng thanh toán tiền lương: 02-LĐTL
- Biên bản kiểm kê vật tư: 03-VT
- Giấy đề nghị tạm ứng: 03-TT

**❖ Các loại sổ công ty sử dụng**

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký, sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết gồm: Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**❖ Các loại báo cáo kế toán.**

- Báo tài chính hàng quý hàng năm gửi cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính bao gồm:
  - Bảng cân đối kế toán( mẫu số B01-DNN)
  - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh( Mẫu số B02-DNN)
  - Thuyết minh báo cáo tài chính ( Mẫu số B09-DNN)
  - Bảng cân đối tài khoản( Mẫu số F01-DNN).

**2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

**2.2.1. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty**

**2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ**

**❖ Phương thức bán hàng tại công ty**

- Phương thức bán hàng trực tiếp
- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

**❖ Hình thức thanh toán**

- Thanh toán ngay

- 
- + Chuyển khoản
  - + Tiền mặt
  - Thanh toán chậm: Bán chịu (Điều này phụ thuộc vào điều khoản hợp đồng giữa 2 bên)

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 511 – *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

TK 333(3331) – *Thuế GTGT phải nộp*

TK 911 – *Xác định kết quả kinh doanh*

Các TK liên quan khác: TK 111, 112, 131,...

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
  - + Liên 1 (màu tím): *được lưu lại quyển hóa đơn*
  - + Liên 2 (màu đỏ): *giao cho khách hàng*
  - + Liên 3 (màu xanh): *luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán*
- Phiếu xuất kho, Lệnh xuất kho
- Bảng kê hóa đơn thực xuất; Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo có,...

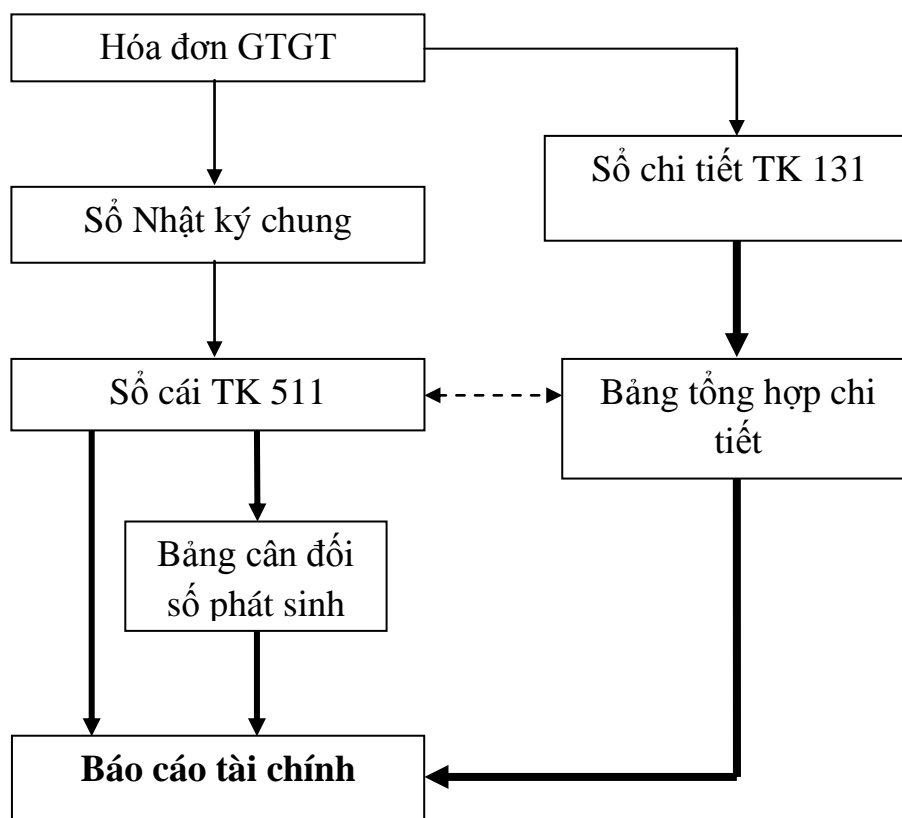
❖ **Sổ sách sử dụng**

- Sổ cái TK 511, TK 632
- Sổ chi tiết bán hàng
- Bảng tổng hợp chi tiết TK 131

❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.4:

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ  $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Căn cứ vào các chứng từ gốc, hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung và Sổ chi tiết doanh thu bán hàng. Cuối tháng dựa vào sổ nhật ký chung để tiến hành vào sổ cái tài khoản doanh thu và dựa vào các sổ chi tiết doanh thu kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó so sánh số liệu giữa sổ cái và sổ tổng hợp chi tiết. Cuối kỳ kế toán cộng số liệu trên sổ cái và sổ tổng hợp để lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

**Ví dụ 1:** Ngày 10 tháng 09 năm 2012 công ty xuất bán vòng bi TSM 314385 cho nhà máy cán thép Lưu Xá. Tổng giá thanh toán 77.000.000đ. Thuế VAT 10%. Nhà máy cán thép Lưu Xá đã thanh toán bằng chuyển khoản.



**Biểu 2.2: Sổ chi tiết TK 131**

**Đơn vị: Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
**Địa chỉ: số 61-km8- đường 5 cũ- Quán Toan-HB-HP**

**Mẫu số: S13 – DNN**  
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT – TK 131**

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng  
 Tên đối tượng: **Nhà máy cán thép Thái Nguyên**  
 Tháng 9 năm 2012

Ngày tháng GS	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<b>85.135.623</b>	
10/09	0034614	10/09	Mua hàng chưa trả tiền	511	70.000.000		155.135.623	
				3331	7.000.000		162.135.623	
.....	.....	....	.....	...	.....	.....	....	.....
14/09	BC23.09	14/09	Cty chuyển trả tiền hàng	112		60.000.000	109.485.623	
.....	.....	....	.....	...	.....	.....	....	.....
21/09	0042452	21/09	Mua hàng chưa trả tiền	511	45.000.000		219.657.900	
				3331	4.500.000		224.157.900	
.....	.....	....	.....	...	.....	.....	....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>287.890.234</b>	<b>140.000.000</b>		
			Số dư cuối kỳ				<b>233.025.857</b>	

Ngày 30 tháng 09 Năm 2012

Người ghi sổ

Kế Toán

Giám đốc

Biểu 2.3: Sổ tổng hợp TK 131

Công ty: TNHH TM Tùng Thịnh

Địa chỉ: số 61-km8- đường 5 cũ- Quán Toan-HB-HP

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT**  
**Tên tài khoản: PHẢI THU KHÁCH HÀNG**  
**Tháng 09 Năm 2012**

S T T	Tên đối tượng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Nhà máy cán thép Thái Nguyên	85.135.623		287.890.234	140.000.000	233.025.857	
2	Công ty TNHH đúc 19-5		40.000.000	230.500.000	180.500.000	10.000.000	
3	Cty TNHH thép VSC-POSCO	43.119.600		183.640.000	120.500.000	106.259.600	
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>	<b>253.784.560</b>	<b>40.000.000</b>	<b>874.790.434</b>	<b>602.140.710</b>	<b>486.434.284</b>	

Ngày 30 tháng 09 Năm 2012

Người ghi sổ

Kế Toán

Giám đốc

**Biểu 2.4: Sổ Nhật ký chung****Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 9 Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>			
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
04/09	PN001 /09	04/09	Mua vòng bi của Công ty TNHH đúc 19-5 nhập kho	156	306.800.000	
				133	30.680.000	
				331		337.480.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
10/09	PX002 /09	10/09	Xuất vòng bi TSM 314385 cho nhà máy cán thép Lưu Xá	632	62.500.000	
				156		62.500.000
10/09	00346 14	10/09	Bán hàng cho nhà máy cán thép Lưu Xá	112	77.000.000	
				511		70.000.000
				3331		7.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
20/09	PC10/ 09	20/09	Mua văn phòng phẩm	642	1.200.000	
				133	120.000	
				111		1.320.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
23/09	UNC 15/09	23/09	Trả trước tiền dầu theo HĐ số 444/BL2012	331	5.000.000	
				112		5.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.048.635.652</b>	<b>2.048.635.652</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

**Biểu 2.5: Sổ cái TK 511****Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI***(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)***Tháng 09 Năm 2012****Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Số hiệu: 511**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
10/09	034614	10/09	Xuất vòng bi cho nhà máy cán thép Thái Nguyên	112		70.000.000
20/09	0034616	20/09	Xuất HĐ bán 10 vòng bi TSM L 313812, 20 vòng bi TSM L 38FC26168- 1 cho Cty TNHH thép VSC-POSCO	131		93.113.600
29/09	0034618	29/09	Xuất HĐ 12 vòng bi 314385, 33 vòng bi TSM L314385, 06 vòng bi TSM 305180 cho nhà máy cán thép Luru Xá	131		320.745.900
30/09	PKT01/09	30/09	Kết chuyển TK 911	911	483.859.500	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>483.859.500</b>	<b>483.859.500</b>
			<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**



---

### **2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

#### **❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT)
- Vận đơn

#### **❖ Tài khoản sử dụng**

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 156: Hàng hóa
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

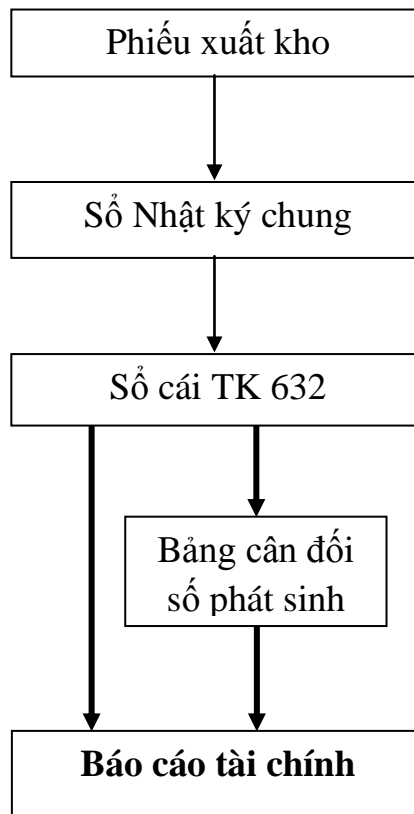
Đồng thời kế toán sử dụng các tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 333,...

#### **❖ Sổ sách sử dụng**

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

#### **❖ Trình tự kế toán ghi sổ**

*Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày                       $\longrightarrow$

Ghi định kỳ                          $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra                $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng kế toán dựa trên sổ Nhật ký chung để vào Sổ cái TK 632. Cuối năm tài chính, từ các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

**Ví dụ 2** (tiếp ví dụ 1): Ngày 10 tháng 09 năm 2012 công ty xuất bán vòng bi TSM 314385 cho nhà máy cán thép Lưu Xá. Tổng giá thanh toán 77.000.000đ. Thuế VAT 10%. Nhà máy cán thép Lưu Xá đã thanh toán bằng chuyển khoản.

**Biểu 2.6: Phiếu xuất kho**

Công ty TNHH TM Tùng Thịnh

Mẫu số 01-VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Nợ: 632

Ngày 10 tháng 09 năm 2012

Có: 156

Số 002-09

- Họ và tên người xuất: Lê Trần Oanh.

- Lý do xuất hàng : Xuất bán

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
01	Vòng bi TSM 314385		Cái	05	05	12.500.000	62.500.000
	Cộng						62.500.000

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ ): Sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 10 tháng 09 năm 2012

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.7: Sổ Nhật ký chung****Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 9 Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>			
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
04/09	PN001 /09	04/09	Mua vòng bi của Công ty TNHH đúc 19-5 nhập kho	156	306.800.000	
				133	30.680.000	
				331		337.480.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
10/09	PX002 /09	10/09	Xuất vòng bi TSM 314385 cho nhà máy cán thép Lưu Xá	632	62.500.000	
				156		62.500.000
10/09	00346 14	10/09	Bán hàng cho nhà máy cán thép Lưu Xá	112	77.000.000	
				511		70.000.000
				3331		7.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
20/09	PC10/ 09	20/09	Mua văn phòng phẩm	642	1.200.000	
				133	120.000	
				111		1.320.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
23/09	UNC 15/09	23/09	Trả trước tiền dầu theo HĐ số 444/BL2012	331	5.000.000	
				112		5.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.048.635.652</b>	<b>2.048.635.652</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

**Biểu 2.8: Sổ cái TK 632**

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

**Tháng 09 Năm 2012**

**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**

**Số hiệu: 632**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
10/09	PX00209	10/09	Xuất vòng bi cho nhà máy cán thép Thái Nguyên	156	62.500.000	
20/09	PX00309	20/09	Xuất HĐ bán 10 vòng bi TSM L 313812, 20 vòng bi TSM L 38FC26168-1 cho Cty TNHH thép VSC-POSCO	156	60.854.000	
29/09	0034618	29/09	Xuất HĐ 12 vòng bi 314385, 33 vòng bi TSM L314385, 06 vòng bi TSM 305180 cho nhà máy cán thép Lưu Xá	157	280.745.900	
30/09	PKT04/09	30/09	Kết chuyển TK 911	911		404.099.900
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>404.099.900</b>	<b>404.099.900</b>
			<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

---

### **2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đó là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động bán hàng, quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về tiền lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, ...

#### **❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tổng hợp thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ theo bộ phận
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán, Giấy tạm ứng

#### **❖ Tài khoản sử dụng**

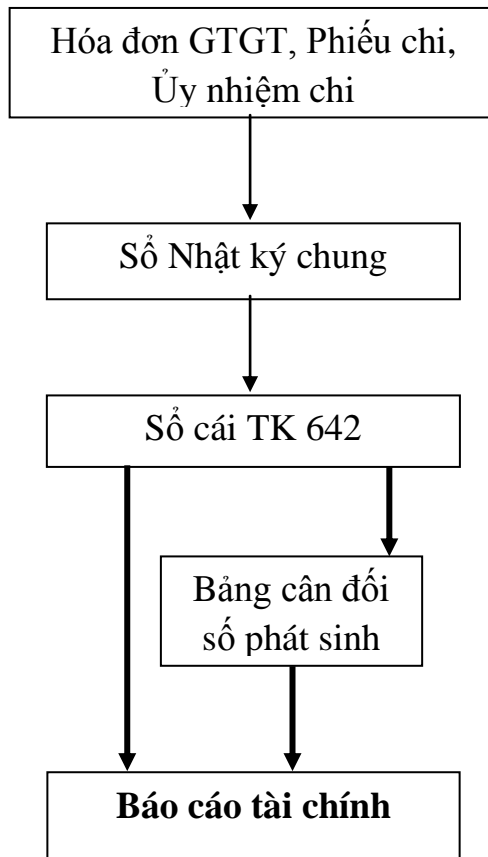
- TK 642
- Các TK liên quan: TK 111, 112, 131, 133, ...

#### **❖ Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 642, 111

#### **❖ Quy trình hạch toán**

*Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày                       $\longrightarrow$

Ghi định kỳ                          $\longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra                $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 642,...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ 4:** Ngày 12 tháng 9 năm 2012, Công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại tháng 8/2012. Tổng giá thanh toán là 542.400 (thuế VAT 10%).

**Ví dụ 5:** Ngày 15 tháng 9 năm 2012, Công ty mua máy in HP 2000 phục vụ cho phòng giám đốc. Giá mua 2.000.000 (Thuế VAT 10%).

---

*Biểu 2.9: Phiếu chi*

Mẫu số 01-TT  
Ban hành kèm theo QĐ số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/09/2006

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

---

Ngày 12/09/2012

**PHIẾU CHI**

Số: 008/09

Nợ TK6422:493.091

Nợ TK 133:49.309

Có TK 111: 542.400

Họ và tên người nhận tiền: **Đinh Văn Hiền**

Địa chỉ( bộ phận) : **Viễn thông Hải Phòng**

Lý do chi : Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 8/2012.

Số tiền: **542.400VNĐ** Bằng chữ: *Năm trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng chẵn./.*

Kèm theo : 01 Chứng từ gốc: HĐ số 0014629

Đã nhận đủ số tiền.....:

**Giám đốc      Kế toán trưởng      Người lập biểu      Thủ quỹ      Người nhận tiền**



**Biểu 2.10: Hóa đơn GTGT**

<b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 15 tháng 09 năm 2012			Mẫu số: 01GTKT3/001 AA/11P Số: 0012011		
Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY MÁY TÍNH HOÀNG CƯỜNG</b> Mã số thuế: 0200403126 Địa chỉ: Số 10 lô 2ALê Hồng Phong, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 0313.610710 Fax: 0313.920.609					
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Hải Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Tùng Thịnh Mã số thuế: 0200734590 Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ- Quán Toan – Hồng Bàng – HP. Số tài khoản: Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Máy in HP 2000	Cái	01	2.000.000	2.000.000
Cộng tiền hàng					2.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

**Biểu 2.11: Sổ Nhật ký chung**

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 9 Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>			
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
04/09	PN001/09	04/09	Mua vòng bi của Công ty TNHH đúc 19-5 nhập kho	156	306.800.000	
				133	30.680.000	
				331		337.480.000
05/09	PT001/09	05/09	Mrs Oanh rút TGNH ACB về nhập quỹ	111	30.000.000	
				112		30.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
12/09	PC08/09	12/09	Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 8/2012	642	493.091	
				133	49.309	
				111		542.400
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
15/09	HĐ0012011	15/09	Mua máy in HP 2000	642	2.000.000	
				133	200.000	
				112		2.200.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
20/09	PC10/09	20/09	Mua văn phòng phẩm	642	1.200.000	
				133	120.000	
				111		1.320.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
23/09	UNC15/09	23/09	Trả trước tiền dầu theo HĐ số 444/BL2012	331	5.000.000	
				112		5.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.048.635.652</b>	<b>2.048.635.652</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 2.12: Sổ cái TK 642**

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

**Tháng 09 Năm 2012**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh**

**Số hiệu: 642**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
...	....	.....	.....	...	.....	.....
12/09	PC08 /09	12/09	Chi tiền thanh toán cước điện thoại T8/2012	111	493.091	
15/09	0012 011	15/09	Mua máy in HP 2000	112	2.000.000	
...	....	.....	.....	...	.....	.....
20/09	PC10 /09	20/09	Mua văn phòng phẩm	111	1.200.000	
21/09	PC11 /09	21/09	Mua xăng chở hàng	111	3.420.000	
...	....	.....	.....	...	.....	.....
30/09	PKT 08/09	30/09	Kết chuyển TK 911	911		81.976.091
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>81.976.091</b>	<b>81.976.091</b>
			<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

---

## 2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh năm 2012 của công ty TNHH TM Tùng Thịnh là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng, hưởng chiết khấu thanh toán do thanh toán sớm.

### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 515 – *Doanh thu hoạt động tài chính*

TK 635 – *Chi phí hoạt động tài chính*

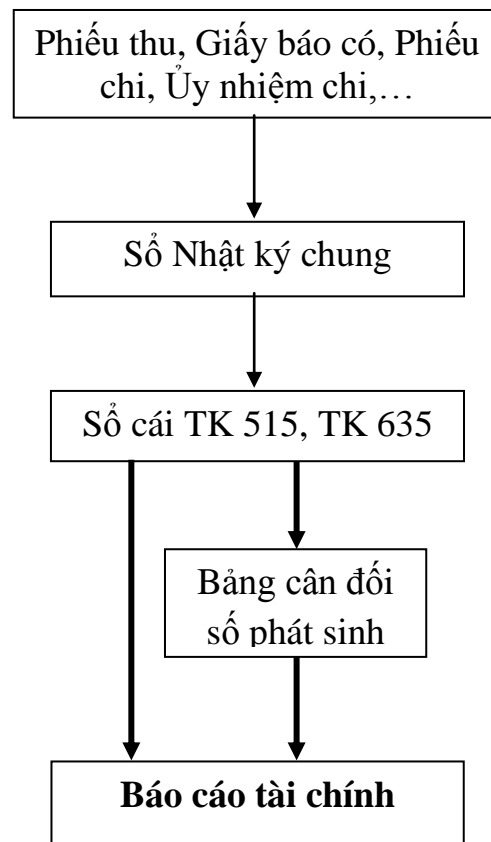
### ❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi
- Sao kê tài khoản ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu, Phiếu chi

### ❖ Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 515, 635

### ❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính*



---

Ghi chú:

Ghi hàng ngày                      →

Ghi định kỳ                         →

Đối chiếu, kiểm tra               ← - - - - →

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 515, 635...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ 6:** Ngày 25/09/2012, Ngân hàng Á Châu trả lãi tiền gửi tháng 09/2012 cho công ty là 39.093 đồng.

**Ví dụ 7:** Ngày 14/09/2012, thanh toán phí chuyển tiền tại Ngân hàng Á Châu để nộp BHXH và BHYT tháng 8/2012. Số tiền 15.000 đồng.

*Biểu 2.13: Giấy báo có ngân hàng Á Châu*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU**  
**ASIA COMMERCIAL BANK**

Ma GDV:  
Ma KH: 244048  
So GD: 112

**GIẤY BÁO CÓ**

*Ngày 25/09/2012*

Kính gửi: CÔNG TY TNHH TM TÙNG THỊNH

Mã số thuế: 0200734590

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 26027109

Số tiền bằng số: 39.093

Số tiền bằng chữ: BA CHÍN NGHÌN KHÔNG TRĂM CHÍN BA ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: Lãi nhập vốn

Giao dịch viên  
(Ký, họ tên)

Kiểm soát  
(Ký, họ tên)

---

*Biểu 2.14: Giấy báo nợ ngân hàng Á Châu*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU**  
**ASIA COMMERCIAL BANK**

Ma GDV:  
Ma KH: 244048  
So GD: 83

**GIẤY BÁO NỢ**

*Ngày 14/09/2012*

Kính gửi: CÔNG TY TNHH TM TÙNG THỊNH

Mã số thuế: 0200734590

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 26027109

Số tiền bằng số: 15.000

Số tiền bằng chữ: MƯỜI LĂM NGHÌN ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: Phí chuyển tiền.

Giao dịch viên  
(Ký, họ tên)

Kiểm soát  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.15: Sổ Nhật ký chung**

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 9 Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>			
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
04/09	PN001/09	04/09	Mua vòng bi của Công ty TNHH đúc 19-5 nhập kho	156	306.800.000	
				133	30.680.000	
				331		337.480.000
05/09	PT001/09	05/09	Mrs Oanh rút TGNH ACB về nhập quỹ	111	30.000.000	
				112		30.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
12/09	PC08/09	12/09	Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 8/2012	642	493.091	
				133	49.309	
				111		542.400
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
14/09	UNC 11/09	14/09	Chuyển tiền nộp BHXH và BHYT T8/2012	3383	12.528.000	
				3384	2.349.000	
				112		14.877.000
14/09	BN83	14/09	Phí chuyển tiền	635	15.000	
				112		15.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
23/09	UNC 15/09	23/09	Trả trước tiền dầu theo HĐ số 444/BL2012	331	5.000.000	
				112		5.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
25/09	BC112	25/09	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9/2012	112	39.093	
				515		39.093
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.048.635.652</b>	<b>2.048.635.652</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

---

*Biểu 2.16: Sổ cái TK 515*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

**Tháng 09 Năm 2012**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Số hiệu: 515**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
25/09	BC112	25/09	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	112		39.093
....	..	....	.....	...	.....	.....
30/09	PKT 10/09	30/09	Kết chuyển TK 911	911	1.294.471	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.294.471</b>	<b>1.294.471</b>
			<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

*Ngày 30 tháng 09 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Biểu 2.17: Sổ cái TK 635**

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

**Tháng 09 Năm 2012**

**Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính**

**Số hiệu: 635**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
14/09	BN83	14/09	Phí chuyển tiền nộp BHXH, BHYT T8/2012	112	15.000	
22/09	BN85	22/09	Phí chuyển tiền thanh toán tiền sửa xe ô tô	112	10.000	
25/09	BN86	25/09	Phí chuyển tiền trả trước tiền dầu theo HĐ số 0010637	112	15.000	
....	..	....	.....	...	.....	.....
30/09	PKT 13/09	30/09	Kết chuyển TK 911	911		653.248
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>653.248</b>	<b>653.248</b>
			<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

---

### 2.2.3. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ,...
- Phiếu thu, Phiếu chi.
- Phiếu kế toán,...

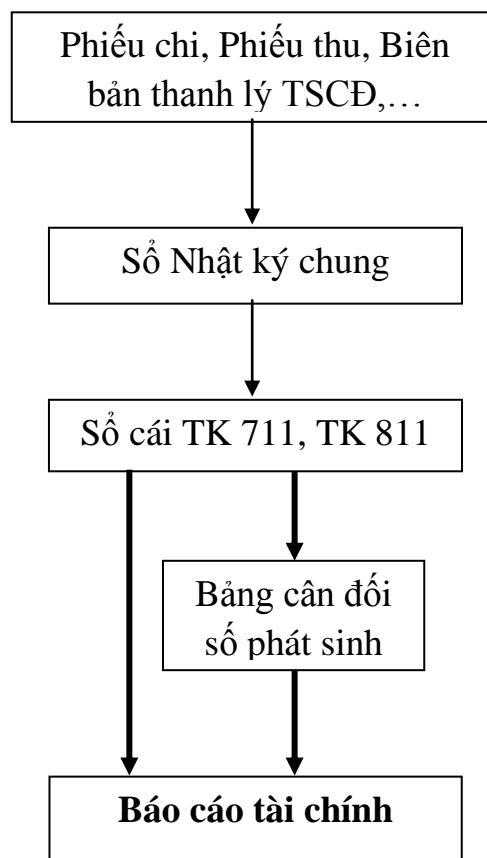
#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 711 – *Thu nhập khác*

TK 811 – *Chi phí khác*

#### ❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán thu nhập khác, chi phí khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ←---→

---

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 635,...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ 8:** Ngày 01/09/2012, Công ty thanh lý 01 máy photo do thời gian sử dụng lâu nên bị hỏng không còn sử dụng được nữa.

*Biểu 2.18: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 01/09

Ngày 01 tháng 09 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
	Xóa sổ tài sản cố định			
1	Giá trị hao mòn của TSCĐ	214	211	13.533.352
2	Giá trị còn lại của TSCĐ	811	211	966.648
	<b>Tổng</b>			14.500.000

Ngày 01 tháng 09 năm 2012

**Người lập phiếu**

(đã ký)

Biểu 2.19: Hóa đơn GTGT

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Máy Phôtô LD2001	Cái	01	1.000.000	1.000.000
<b>Cộng tiền hàng</b>					1.000.000
Thuế suất GTGT: 10%      Tiền thuế GTGT:					100.000
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>1.100.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

---

*Biểu 2.20: Phiếu thu*

Mẫu số 01-TT  
Ban hành kèm theo QĐ số  
48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

---

*Ngày 01/09/2012*

**PHIẾU THU**

Số: 002/09

Nợ TK:111

Có TK:711

Họ và tên người nộp tiền: **Nguyễn Văn Vũ**

Địa chỉ( bộ phận) : **Công ty máy tính Citech.**

Lý do nộp : Thu thanh lý máy phôtô.

Số tiền: **1.100.000VNĐ** Bằng chữ: **Một triệu một trăm nghìn đồng chẵn./.**

Kèm theo : 01 Chứng từ gốc:

Đã nhận đủ số

tiền.....

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Thủ quỹ**

**Người nộp tiền**

**Biểu 2.21: Sổ Nhật ký chung****Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 9 Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>			
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
01/09	HĐ00 02011	01/09	Thanh lý máy photo LD2001	111	1.100.000	
				711		1.000.000
				3331		100.000
01/09	PKT 001/09	01/09	Thanh lý máy photo LD2001	214	13.533.352	
				811	966.648	
				211		14.500.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
04/09	PC001 /09	04/09	Tạm ứng tiền ăn ca T09/2012	141	4.000.000	
				111		4.000.000
05/09	PT001 /09	05/09	Mrs Oanh rút TGNH ACB về nhập quỹ	111	30.000.000	
				112		30.000.000
06/09	PC004 /09	06/09	Thanh toán tiền cước vận chuyển vòng bi từ công ty đi Thái Nguyên	642	2.000.000	
				133	200.000	
				111		2.200.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
12/09	PC08/ 09	12/09	Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 8/2012	642	493.091	
				133	49.309	
				111		542.400
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
23/09	UNC 15/09	23/09	Trả trước tiền dầu theo HĐ số 444/BL2012	331	5.000.000	
				112		5.000.000
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
25/09	BC112	25/09	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 9/2012	112	39.093	
				515		39.093
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.048.635.652</b>	<b>2.048.635.652</b>

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

*Biểu 2.22: Sổ cái TK 711*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

**Tháng 09 Năm 2012**

**Tên tài khoản: Thu nhập khác**

**Số hiệu: 711**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
01/09	PT002 /09	01/09	Thu tiền thanh lý máy photo LD2001	111		1.000.000
22/09	PT47/ 09	22/09	Thu tiền bán phế liệu	111		72.000
30/09	PKT 07/09	30/09	Kết chuyển TK 911	911	1.072.000	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.072.000</b>	<b>1.072.000</b>
			<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

*Ngày 30 tháng 09 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

*Biểu 2.23: Sổ cái TK 811*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

**Tháng 09 Năm 2012**

**Tên tài khoản: Chi phí khác**

**Số hiệu: 811**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
01/09	PKT0 01/09	01/09	Giá trị còn lại của máy photo LD2001	211	966.648	
30/09	PKT 08/09	30/09	Kết chuyển TK 911	911		966.648
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>966.648</b>	<b>966.648</b>
			<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

*Ngày 30 tháng 09 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



---

## 2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 911 – *Xác định kết quả kinh doanh*

Các TK liên quan khác:

TK 821 – *Chi phí thuế TNDN*

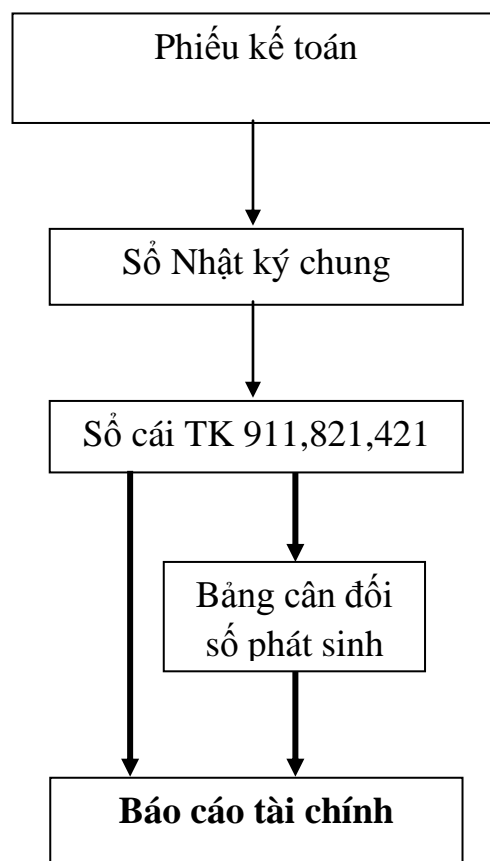
TK 421 – *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*

### ❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

### ❖ Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 911, 821, 421

### ❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.9: *Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

---

**Ví dụ 9:** Có số liệu năm 2012 của công ty như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 5.941.779.391 đồng
- Các khoản giảm trừ doanh thu	: 0 đồng
- Giá vốn hàng bán	: 5.075.567.726 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính	: 15.785.517 đồng
- Chi phí tài chính	: 9.988.079 đồng
- Chi phí bán hàng	: 227.692.097 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	: 452.384.496 đồng
- Thu nhập khác	: 1.072.000 đồng
- Chi phí khác	: 1.814.130 đồng

Xác định kết quả kinh doanh:

$$\begin{aligned}\text{Doanh thu thuần} &= \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\ &= 5.941.779.391 - 0 = 5.941.779.391 \text{ đồng}\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận gộp} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ &= 5.941.779.391 - 5.075.567.726 = 866.211.665 \text{ đồng}\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\ &= 1.072 - 1.814.130 = - 742.130 \text{ đồng}.\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Lợi nhuận gộp} + \text{doanh thu hoạt động TC} \\ &- \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} + \text{Lợi} \\ &\text{nhuận khác} \\ &= 866.211.665 + 15.785.517 - 9.988.079 - 227.692.097 - 452.384.496 + \\ &(742.130) = 191.190.380 \text{ đồng}.\end{aligned}$$

- Thực hiện các bút toán kết chuyển:

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng:

Nợ TK 5111 : 5.941.779.391

Có TK 911 : 5.941.779.391

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán:

Nợ TK 911 : 5.075.567.726

Có TK 632 : 5.075.567.726

---

+ Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh:

Nợ TK 911 : 680.076.593

Có TK 642: 680.076.593

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 515: 15.785.517

Có TK 911: 15.785.517

+ Kết chuyển chi phí tài chính:

Nợ TK 911 : 9.988.079

Có TK 635 :9.988.079

+ Kết chuyển thu nhập khác:

Nợ TK 711: 1.072.000

Có TK 911: 1.072.000

+ Kết chuyển chi phí khác:

Nợ TK 911 : 1.814.130

Có TK 811: 1.814.130

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = LN kế toán trước thuế x 25%

= 191.190.380 x 25% = 47.797.595 đồng

- Thuế TNDN phải nộp:

Nợ TK 821: 47.797.595

Có TK 3334: 47.797.595

- Kết chuyển TNDN:

Nợ TK 911: 47.797.595

CóTK 821: 47.797.595

Lợi nhuận sau thuế = 191.190.380 - 47.797.595 = 143.392.785 đồng

- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế:

Nợ TK 911: 143.392.785

Có TK 421: 143.392.785

*Biểu 2.24: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 01/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	5.941.779.391
	<b>Tổng</b>			<b>5.941.779.391</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.25: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 02/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	5.075.567.726
	<b>Tổng</b>			<b>5.075.567.726</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.26: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 03/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	680.076.593
	<b>Tổng</b>			<b>680.076.593</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.27: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 04/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515	911	15.785.517
	<b>Tổng</b>			<b>15.785.517</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.28: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 05/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	9.988.079
	<b>Tổng</b>			<b>9.988.079</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.29: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 06/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	1.072.000
	<b>Tổng</b>			<b>1.072.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.30: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 07/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí khác	911	811	1.814.130
	<b>Tổng</b>			<b>1.814.130</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.31: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 08/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	47.797.595
	<b>Tổng</b>			<b>47.797.595</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.32: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 09/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	47.797.595
	<b>Tổng</b>			<b>47.797.595</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*

*Biểu 2.33: Phiếu kế toán*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**  
Số 61 km 8-Quán Toan-Hồng Bàng-HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 10/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	143.392.785
	<b>Tổng</b>			<b>143.392.785</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập phiếu**

*(đã ký)*



**Biểu 2.34: Sổ Nhật ký chung****Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số trang trước chuyển sang</b>			
....	.....	....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 1/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	5.941.779.391	
				911		5.941.779.391
31/12	PKT 2/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	5.075.567.726	
				632		5.075.567.726
31/12	PKT 3/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	680.076.593	
				642		680.076.593
31/12	PKT 4/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	15.785.517	
				911		15.785.517
31/12	PKT 5/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	9.988.079	
				635		9.988.079
31/12	PKT 6/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	1.072.000	
				911		1.072.000
31/12	PKT 7/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	1.814.130	
				811		1.814.130
31/12	PKT 8/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	47.797.595	
				3334		47.797.595
31/12	PKT 9/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	47.797.595	
				821		47.797.595
31/12	PKT 10/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	143.392.785	
				421		143.392.785
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>63.090.351.741</b>	<b>63.090.351.741</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

**Biểu 2.35: Sổ cái TK 911**

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

**Năm 2012**

**Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh**

**Số hiệu: 911**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
PKT1/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		5.941.779.391
PKT2/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	5.075.567.726	
PKT3/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	680.076.593	
PKT4/12	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		15.785.517
PKT5/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	9.988.079	
PKT6/12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		1.072.000
PKT7/12	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	1.814.130	
PKT9/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	47.797.595	
PKT10/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	143.392.785	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>5.958.636.908</b>	<b>5.958.636.908</b>
		<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

---

*Biểu 2.36: Sổ cái TK 821*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

**Năm 2012**

**Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Số hiệu: 821**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
PKT8/12	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	47.797.595	
PKT9/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		47.797.595
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>47.797.595</b>	<b>47.797.595</b>
		<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

---

*Biểu 2.37: Sổ cái TK 421*

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

**Năm 2012**

**Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

**Số hiệu: 421**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<i>Dư đầu kỳ</i>		-	<b>20.500.915</b>
PKT10/ 12	31/12	Kết chuyển lãi	911		143.392.785
		<b>Cộng số phát sinh</b>			143.392.785
		<i>Dư cuối kỳ</i>			<b>163.893.700</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

Biểu 2.38: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Niên độ tài chính năm 2012

Mã số thuế: **0200734590**  
Người nộp thuế: **Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	5,941,779,391	4,656,465,473
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>5,941,779,391</b>	<b>4,656,465,473</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		5,075,567,726	3,921,878,392
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>866,211,665</b>	<b>734,587,081</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		15,785,517	8,465,273
7	Chi phí tài chính	22		9,988,079	4,300,910
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
9	Chi phí quản lý kinh doanh	24		680,076,593	660,802,421
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)</b>	<b>30</b>		<b>191,932,510</b>	<b>77,949,023</b>
11	Thu nhập khác	31		1,072,000	597,500
12	Chi phí khác	32		1,814,130	545,303
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(742,130)</b>	<b>52,197</b>
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	IV.09	<b>191,190,380</b>	<b>78,001,220</b>
15	Chi phí thuế TNDN	51		47,797,595	19,500,305
<b>16</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>143,392,785</b>	<b>58,500,915</b>

Người lập

Ngày ký: 30/01/2013

---

## CHƯƠNG 3

# HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÙNG THỊNH

### 3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh

#### 3.1.1. Đánh giá chung

Sau hơn 5 năm hình thành và phát triển, công ty TNHH Thương mại Tùng Thịnh đã tạo cho mình chỗ đứng trên thị trường mặc dù những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít những khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Trong những năm qua doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng đều, thị trường ngày càng được mở rộng và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

Để đạt được những thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty TNHH Thương mại Tùng Thịnh, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện được làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Tùng Thịnh.

---

### 3.1.2. Ưu điểm

#### ❖ *Về tổ chức bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Cơ cấu gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách mảng riêng, có nhiệm vụ, quyền hạn đối với phần hành của mình. Cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo sổ hàng tháng của công ty đúng hạn. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

#### ❖ *Về hạch toán kế toán nói chung*

- *Về hình thức kế toán và chứng từ sử dụng:* Hình thức kế toán Nhật ký chung mà công ty sử dụng khá phù hợp với mô hình của công ty hiện nay. Dựa trên những đặc điểm riêng của công ty là công ty thương mại, có quy mô nhỏ cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực trình độ chuyên môn của các cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Các chứng từ sử dụng theo mẫu Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng và có đầy đủ yếu tố cần thiết, đồng thời tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận.

- *Về hệ thống tài khoản sử dụng:* Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp,...

- *Về việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:* Kế toán công ty đã tuân theo trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung.

---

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán phát sinh (đã kiểm tra) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với một số tài khoản, kế toán công ty có mở Sổ kế toán chi tiết đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối kỳ cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

#### ❖ *Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty. Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng nên công việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác, phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng nghiệp vụ giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng. Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động kinh doanh tiêu thụ sản phẩm và chiến lược năm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

#### **3.1.3. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp thông tin hoàn thiện và đầy đủ hơn nữa giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý để đạt hiệu quả kinh tế cao.

1. Về hệ thống sổ chi tiết, kế toán nên hạch toán chi tiết cho từng loại hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn của từng loại mặt hàng, ta



---

có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời hệ thống sổ chi tiết còn giúp cho doanh nghiệp kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sự cạnh tranh trên thị trường của công ty.

2. Công ty TNHH TM Tùng Thịnh đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ được thực hiện trên Excel và Word và việc ghi chép còn thủ công. Do vậy, các công thức tính toán, số liệu khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng công việc lớn. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công việc tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao, giúp bộ phận kế toán tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng công việc, đồng thời đảm bảo độ chính xác khi tính toán. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

3. Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng như dự phòng phải thu khó đòi. Tuy công ty chỉ là một doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ, nhưng quy mô các khoản phải thu khách hàng khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng đôi khi còn rất chậm, thậm chí có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

4. Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được

---

tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.

## **3.2. Hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp thương mại cần phải quan tâm nhiều hơn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do đó các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về tình hình tiêu thụ, lỗ lãi thực tế của doanh nghiệp. Trong đó nguồn thông tin từ phòng kế toán là nguồn thông tin quan trọng và đáng tin cậy cho doanh nghiệp sử dụng.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cung cấp số liệu chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó giúp kế toán lập Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

#### *❖ Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán*

- Nguyên tắc thống nhất: Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.
- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.

---

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ kế toán viên hiểu biết, nắm vững nghiệp vụ kế toán.

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế, tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

Điều kiện: Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

### **3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

#### ***3.2.2.1. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán***

Kế toán làm trên máy dùng bảng tính excel mất rất nhiều thời gian song đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Chính vì vậy công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn và tự động tính toán, thực hiện các bút toán kết chuyển vừa đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

- Để giải quyết được hạn chế trên, công ty nên:

+ Tổ chức lớp huấn luyện, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên trong phòng kế toán. Số lượng nhân viên trong phòng kế toán còn thiếu, chưa đủ để hoàn thành tốt công việc được giao, công ty có thể bổ sung tuyển

---

thêm nhân viên, ưu tiên những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cao.

+ Công ty nên xem xét áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy chuyên dụng, hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán mà công ty có thể tham khảo lựa chọn như: Misa Accounting, Vacom Accounting, 3S Accounting,... hoặc công ty có thể đặt mua phần mềm kế toán về sử dụng thì phải mời chuyên gia hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt phần mềm.

- Khi công ty thực hiện được vấn đề trên sẽ đảm bảo cho công tác kế toán được hoàn thiện, chính xác hơn, việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kịp thời, nhanh gọn, báo cáo kế toán lập ra đảm bảo chính xác, mức độ tin cậy cao.

Theo em, công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán, đặc biệt là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 vì phần mềm kế toán này được thiết kế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ gồm: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua mạng Internet, ... MISA SME.NET 2012 không chỉ giúp kế toán doanh nghiệp dễ dàng sử dụng mà còn giúp chủ doanh nghiệp có thể nắm bắt rõ tình hình tài chính của công ty để đề ra quyết định đúng đắn, kịp thời. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cho phép doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng hay điểm giao dịch cùng làm việc trên một dữ liệu kế toán duy nhất thông qua Internet hoặc dùng mạng riêng với độ an toàn và bảo mật cao. Giá cả của phần mềm này khá hợp lý đối với quy mô của công ty.

Giao diện: Thân thiện, dễ sử dụng



Báo giá: 9.950.000 VNĐ

### 3.2.2.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết tại Công ty

Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác, ... Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng



---

**Biểu 3.2:**

**Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

Mẫu số S35 - DN

Địa chỉ: Số 61 km 8 đường 5 cũ Quán Toan – HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm: Vòng bi TSM 314385

Năm: 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
		.....					
0034614	10/09	Bán cho nhà máy cán thép Lưu Xá	131	05	14.000.000		70.000.000
0034616	20/09	Bán cho Cty TNHH thép VSC-POSCO	131	12	14.000.000		168.000.000
		.....					
		<b>Cộng số phát sinh</b>					

---

Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán (*Biểu 3.3*).

Kế toán theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bằng TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi phí tiền lương, trích BHXH, tiền thưởng, phụ cấp,... của nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong quản lý, chi phí mua đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ dùng cho văn phòng, các khoản phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài như trả tiền điện, nước, điện thoại và chiphis bằng tiền khác. Do đó công ty nên mở thêm sổ chi tiết TK 642 – chi phí quản lý kinh doanh để chi tiết theo yếu tố chi phí.

**Ví dụ:** Trong tháng 09/2012, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng mặt hàng (*biểu 3.4*).

**Ví dụ:** Trong tháng 09/2012, căn cứ vào chứng từ, kế toán vào sổ chi tiết chi phí QLDN theo các nội dung chi phí (*biểu 3.5*).



**Biểu 3.3:**

Mẫu số S36-DN  
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 621, 622, 623, 627, 154, 631, 642, 142, 242, 335, 632,  
Năm: .....

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ Tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Chia ra		
					....	....	...
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
			.....				
			Cộng số phát sinh				
			Số dư cuối kỳ				

*Biểu 3.4: Mở sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh cho mặt hàng “Vòng bi TSM 314385”*

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Năm: 2012

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ Tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Chia ra		
					Tổng số tiền	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
10/ 09	PX0 209	10/09	Xuất hàng theo HĐ 0034614	156	62.500.000	05	12.500.000
20/ 09	PX0 809	20/09	Xuất hàng theo HĐ 0034616	156	150.000.000	12	12.500.000
			.....				
			Cộng số phát sinh tháng 9				

Biểu 3.5: Mở sổ chi tiết cho TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Mẫu số S36-DN  
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ Tài khoản 6422					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						CP nhân viên QLý	CP vật liệu QLý	CP KH TSCĐ	CP dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			.....							
12/9	PC0809	12/9	Thanh toán tiền điện thoại tháng 8/2012	111	439.091				439.091	
			.....							
			Cộng số phát sinh tháng 9							
			Số dư cuối kỳ							

---

Mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng để theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp của từng mặt hàng từ đó thấy được mặt hàng nào tiêu thụ mạnh, mặt hàng nào tiêu thụ chậm, giúp nhà quản trị có được những quyết định kinh doanh đúng đắn.

### **3.2.2.3. Hoàn thiện về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Công ty**

Hiện nay, công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác như: Công ty cổ phần Hưng Thịnh, Công ty TNHH TM sản xuất Bắc Việt với các khoản phải thu quá hạn trên 6 tháng. Do đó, công ty nên tiến hành trích lập dự phòng với các khoản phải thu khó đòi.

Theo quy định, đối tượng và điều kiện được phép thực hiện trích lập dự phòng là các khoản nợ phải thu đảm bảo là các khoản nợ có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Để xác định một khoản nợ phải thu khó đòi phải căn cứ vào các điều kiện sau:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

---

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án,... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.
- Sau khi trích lập dự phòng cho từng khoản nợ phía thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng. Khi thực hiện trích lập dự phòng cần chú ý:

- + Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.
- + Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý kinh doanh phần chênh lệch.
- + Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC các khoản nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”.

*Kết cấu và nội dung của TK 159 “Các khoản dự phòng”*

**Bên Nợ:** Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

**Bên Có:** Trích lập các khoản dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

---

**Số dư bên Có:** Số dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 159 có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 1591 – “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”
- + TK 1592 – “Dự phòng phải thu khó đòi”
- + TK 1593 – “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC kế toán sử dụng tài khoản 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi” để hạch toán các khoản nợ phải thu khó đòi.

*Phương pháp hạch toán TK 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi”.*

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Có TK 1592 – *Dự phòng phải thu khó đòi*

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 1592 – *Dự phòng phải thu khó đòi*

Có TK 6422 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 – *Dự phòng phải thu khó đòi*

Nợ TK 6422 – *Chi phí quản lý kinh doanh*

Có TK 131 – *Phải thu khách hàng*

Có TK 138 – *Phải thu khác*

---

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “*Nợ khó đòi đã xử lý*” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu được, ghi:

Nợ TK 111, 112, ...

Có TK 711 – *Thu nhập khác*

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “*Nợ khó đòi đã xử lý*” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

Hiện nay công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác:

#### BẢNG KÊ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI CỦA CÔNG TY

(Tính đến 31/12/2012)

STT	Công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Số cần lập dự phòng
1	Công ty cổ phần Hưng Thịnh	12.478.054	6 tháng 15 ngày	3.743.416
2	Công ty TNHH TM sản xuất Bắc Việt	26.832.389	10 tháng 25 ngày	8.049.717
	<b>Cộng</b>	<b>39.310.443</b>		<b>11.793.133</b>

Kế toán định khoản nợ phải thu khó đòi:

Nợ TK 6422: 11.793.133

Có TK 1592: 11.793.133

Đồng thời kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ cái TK 159.

#### 3.2.2.4. Một số kiến nghị khác

- Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh theo từng mặt hàng theo tháng hoặc quý giúp ban lãnh đạo nắm rõ về tỷ suất lợi nhuận

---

của từng mặt hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

- Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vì vậy việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xúc tiến công tác quảng cáo là một vấn đề hết sức quan trọng. Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, thị trường đầu ra. Một chính sách tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các biện pháp như: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, giải quyết các mẫu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý.

### **3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tùng Thịnh**

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hóa, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy cao. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.



---

## KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung cuốn khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Tùng Thịnh*”.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ, phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty TNHH TM Tùng Thịnh đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện khóa luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là GVHD – Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang cùng các anh chị phòng kế toán trong Công ty TNHH TM Tùng Thịnh đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận.

*Hải Phòng, ngày ... tháng...năm 2013*

Sinh viên

Phạm Thị Thu Trang

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính – Nhà xuất bản Thống kê năm 2009.
2. Chế độ Kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) – Nhà xuất bản tài chính
3. Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán năm 2012 của công ty TNHH TM Tùng Thịnh
4. Khóa luận tốt nghiệp sinh viên khóa 11, 12 trường Đại học Dân lập Hải Phòng
5. Mạng Internet